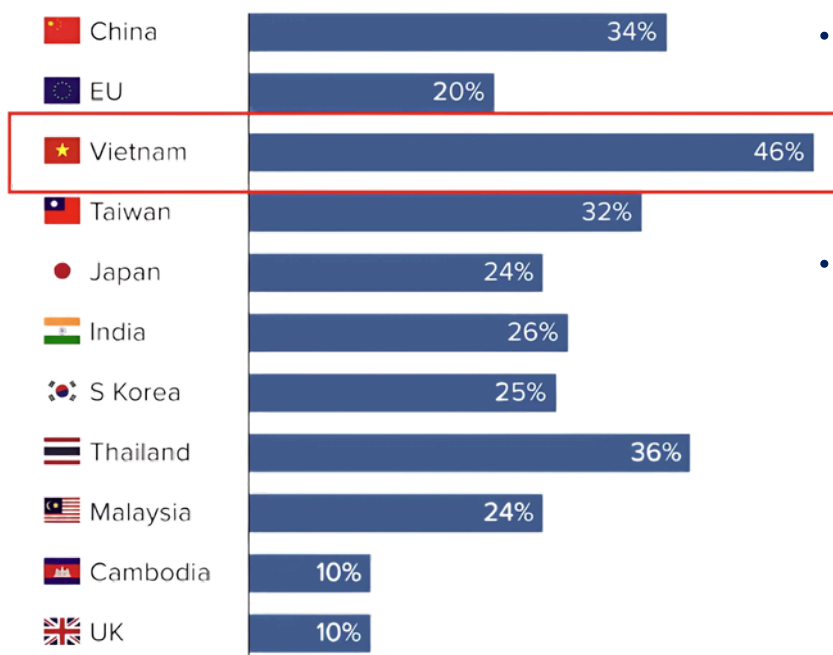




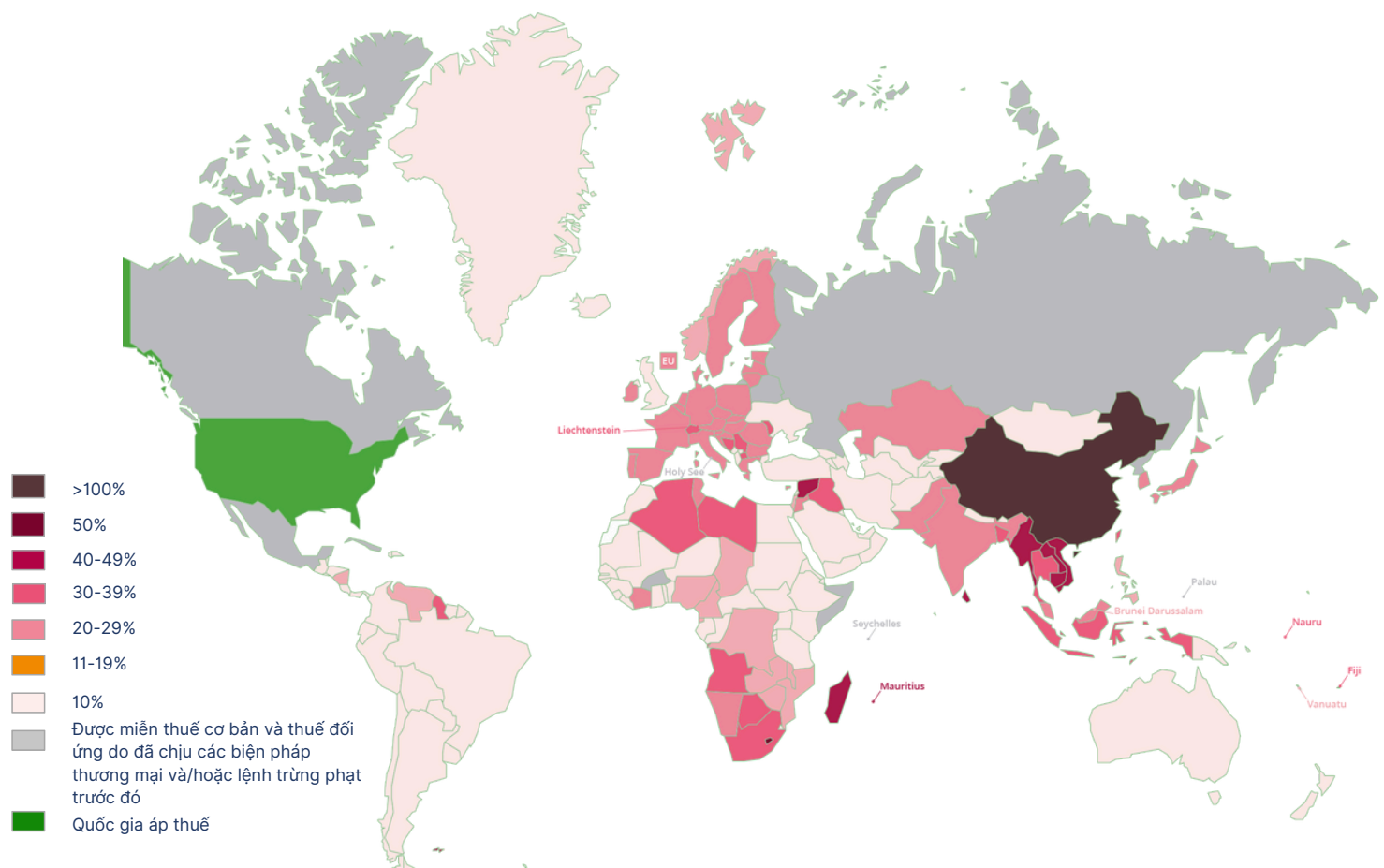
BÁO CÁO **ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG THUẾ QUAN** **ĐỐI ỨNG LÊN CÁC NGÀNH CƠ BẢN**

THUẾ QUAN ĐỐI ỨNG



- Vào lúc 11h01 sáng ngày 09/04/2025 (giờ Việt Nam), theo thông báo từ Nhà Trắng, chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực – trong đó áp mức thuế lên tới **46%** đối với hàng hóa từ Việt Nam.
- Tuy nhiên, đến ngày 10/04/2025, Tổng thống Donald Trump đã tuyên bố tạm hoãn chính sách này và mở ra **giai đoạn đàm phán kéo dài 90 ngày**. Trong thời gian chờ đàm phán, Mỹ sẽ áp dụng mức thuế quan toàn cầu tạm thời là **10%**. Một số trường hợp ngoại lệ bao gồm: Trung Quốc chịu mức thuế đặc biệt 145% sau loạt động thái trả đũa qua lại; Canada và Mexico trở lại mức thuế 25% – ngoại trừ các mặt hàng nằm trong khuôn khổ USMCA.

Hình 1: Bản đồ nhiệt Thuế đối ứng của Mỹ (mức thuế cao nhất dự kiến)



Nguồn: White House

DIỄN BIẾN CHÍNH SÁCH THUẾ QUAN ĐỐI ỨNG CỦA MỸ TỪ THÁNG 4 ĐẾN THÁNG 5/2025

Giai đoạn leo thang (tháng 4/2025)

- **Ngày 2/4:** Tổng thống Mỹ Donald Trump công bố mức thuế đối ứng 46% lên hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, bao gồm các sản phẩm gỗ.
- **Ngày 3/4:** Mỹ áp dụng mức thuế 125% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, nhằm gây áp lực trong các cuộc đàm phán thương mại.
- **Ngày 4/4:** Trung Quốc đáp trả bằng cách áp dụng mức thuế 125% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ.
- **Ngày 5/4:** Tất cả đối tác thương mại của Mỹ bị áp thuế nhập khẩu 10%.
- **Ngày 9/4:** Mỹ tăng thuế lên 145% đối với hàng hóa Trung Quốc.
- **Ngày 12/4:** Trung Quốc tăng thuế lên 125% đối với hàng hóa Mỹ.

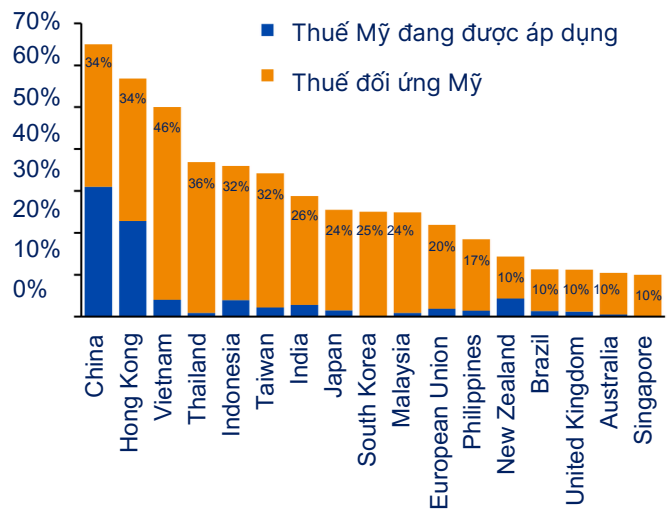
Giai đoạn hạ nhiệt (tháng 5/2025)

- **Ngày 12/5:** Sau các cuộc đàm phán tại Geneva, Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận tạm thời giảm thuế trong 90 ngày:
- Mỹ giảm thuế đối với hàng hóa Trung Quốc từ 145% xuống 30%.
- Trung Quốc giảm thuế đối với hàng hóa Mỹ từ 125% xuống 10%.
- Trung Quốc dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu máy bay Boeing và cam kết nói lỏng các rào cản phi thuế quan.
- Cả hai bên đồng ý thiết lập cơ chế đối thoại liên tục về kinh tế và thương mại sau thời gian 90 ngày.

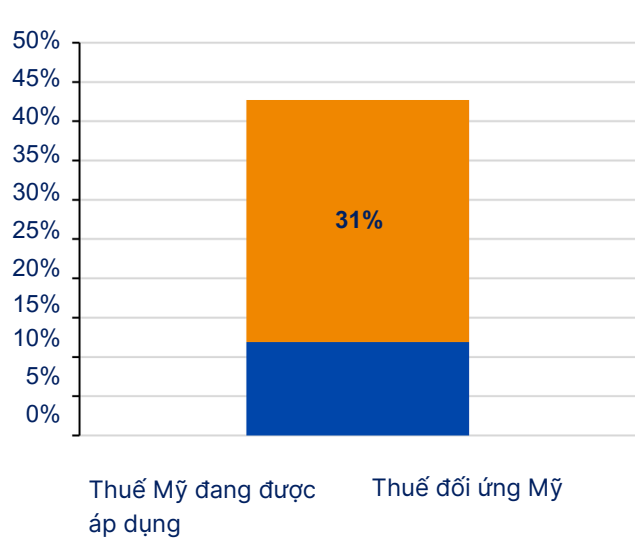
Ghi chú:

- *Thỏa thuận giảm thuế chỉ có hiệu lực trong 90 ngày và không bao gồm mức thuế 20% mà Hoa Kỳ áp dụng đối với hàng hóa Trung Quốc liên quan đến cuộc khủng hoảng fentanyl.*
- *Thỏa thuận của Mỹ với Trung Quốc không bao gồm thuế quan đối với ô tô, thép, nhôm hoặc dược phẩm.*

Hình 2: Mức tăng thuế quan mạnh đối với nhiều nền kinh tế Châu Á, bao gồm cả Đông Nam Á



Hình 3: Tỷ lệ thuế quan trung bình của Mỹ đối với Châu Á

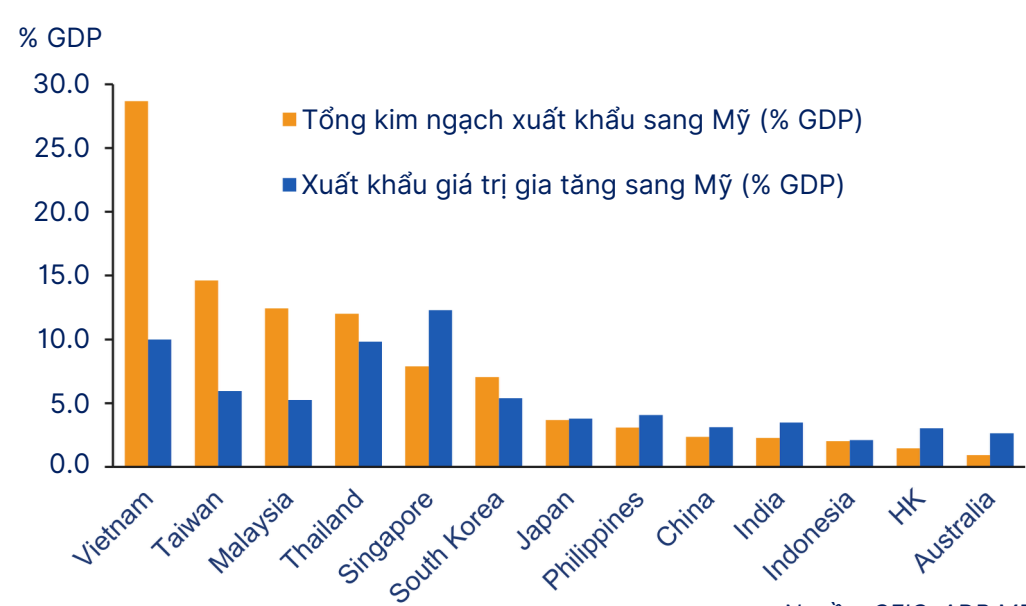


Nguồn: World Bank WITS, White House, PIIE, MUFG GMR

- Dưới nhiệm kỳ **Trump 2.0**, nhiều khả năng Mỹ sẽ **tiếp tục duy trì chính sách thuế quan cao**, bất chấp phản ứng từ các đối tác thương mại. Tính đến nay, đã có hơn 50 quốc gia chủ động liên hệ để khởi động các vòng đàm phán với Washington nhằm tìm kiếm lối ra.
- Phản ứng của các nền kinh tế châu Á trước làn sóng thuế mới khá đa dạng: Trung Quốc lựa chọn đáp trả mạnh mẽ, trong khi nhiều quốc gia Đông Nam Á (bao gồm cả Việt Nam) – ưu tiên con đường đối thoại. Dù vậy, đối với các nước có mức thâm hụt thương mại lớn với Mỹ như Việt Nam, triển vọng giảm thuế trong ngắn hạn vẫn còn nhiều thách thức.

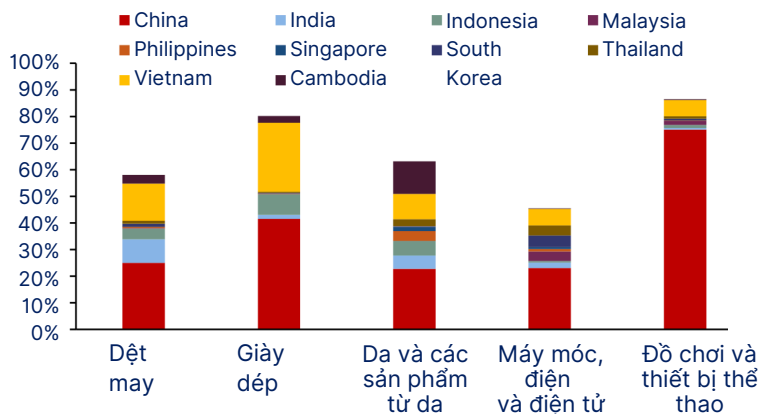
Tác động khác nhau đến GDP và xuất khẩu của các nước châu Á

Hình 4: Tổng kim ngạch xuất khẩu của châu Á và xuất khẩu giá trị gia tăng sang Mỹ



Nguồn: CEIC, ADB MRIO, MUFG GMR

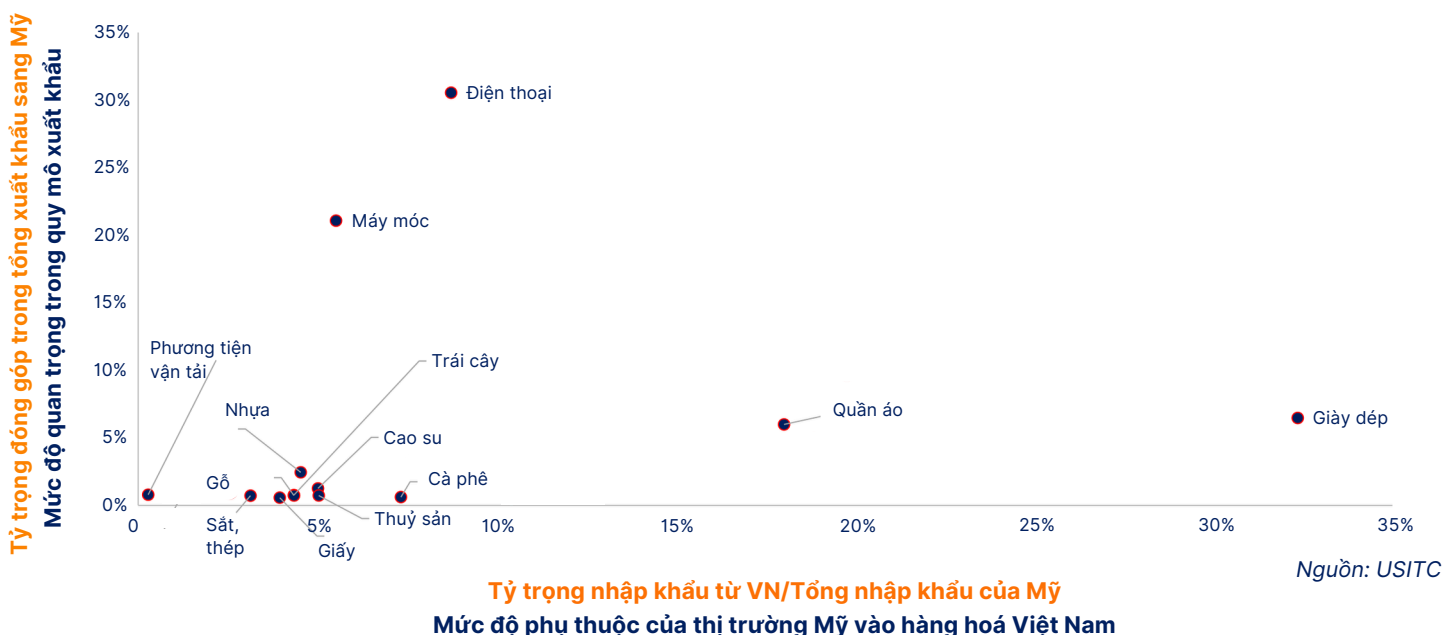
Hình 5: Tỷ lệ nhập khẩu từ quốc gia trong tổng nhập khẩu Mỹ (%)



Nguồn: Bloomberg Economics, World Bank WITS, MUFG GMR

- Với cơ cấu kinh tế mà khu vực **dịch vụ** chiếm tới **80,2%** GDP, Hoa Kỳ từ lâu đã phụ thuộc phần lớn vào thị trường hàng hóa toàn cầu để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa. Phần còn lại của nền kinh tế dành cho công nghiệp và nông nghiệp, song đều không phải là lĩnh vực chi phối.
- Trong suốt nhiều thập kỷ, Trung Quốc giữ vai trò như một “công xưởng thế giới” – cung cấp cho Mỹ hàng loạt mặt hàng thiết yếu như đồ chơi, thiết bị thể thao, dệt may, linh kiện điện tử, và nhiều loại hàng tiêu dùng phổ thông khác. Mỗi quan hệ phụ thuộc chéo này khiến bất kỳ biến động nào về chính sách thuế quan giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đều **để lại dư chấn không nhỏ lên chuỗi cung ứng toàn cầu**.

Hình 6: Tác động của thuế đối ứng đối với các hàng hoá xuất khẩu chính vào thị trường Mỹ của Việt Nam



Nguồn: USITC

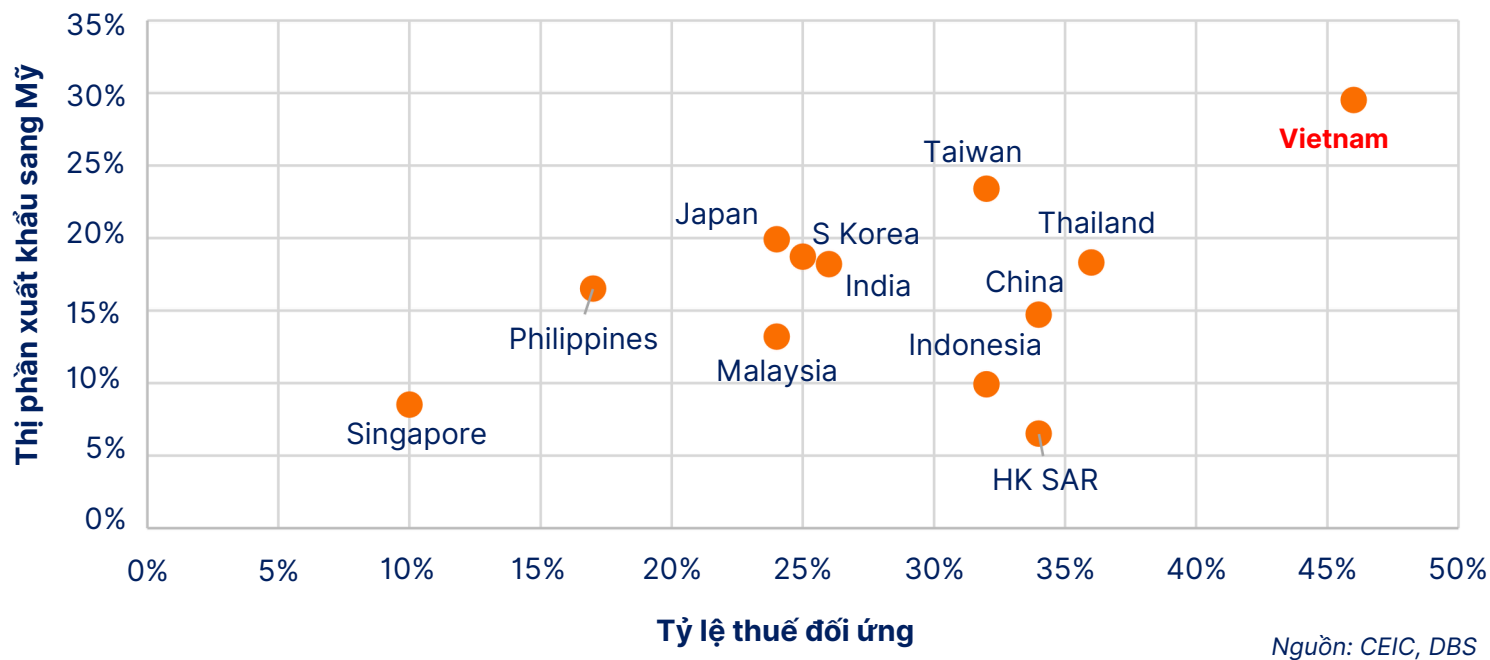
Tác động đến xuất khẩu của Việt Nam:

Xuất khẩu của Việt Nam – đặc biệt trong các lĩnh vực điện tử, dệt may, giày dép và đồ nội thất – được dự báo sẽ đối mặt với nhiều thách thức đáng kể sau khi Mỹ áp dụng chính sách thuế quan đối ứng. Việc tăng thuế có nguy cơ làm suy **giảm sức cạnh tranh của hàng Việt tại thị trường Mỹ**, dẫn đến sụt giảm về khối lượng XK và nguy cơ mất thị phần. Một số lĩnh vực nhạy cảm có thể chịu ảnh hưởng trực tiếp như sau:

- Giày dép và dệt may:** Việt Nam hiện là một trong những nhà cung cấp chủ lực cho các thương hiệu thời trang thể thao hàng đầu của Mỹ. Các doanh nghiệp này có chuỗi sản xuất quy mô lớn đặt tại Việt Nam – do đó bất kỳ thay đổi nào về thuế cũng có thể ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi giá trị.
- Điện tử:** Việt Nam đã vươn lên trở thành một cứ điểm sản xuất điện tử quan trọng, đặc biệt trong lĩnh vực điện thoại thông minh và thiết bị điện tử tiêu dùng. Thuế suất cao có thể làm xói mòn ưu thế chi phí và khiến các tập đoàn cân nhắc lại chiến lược đầu tư trung hạn.
- Đồ nội thất:** Một phần đáng kể sản phẩm nội thất đang được tiêu thụ tại Mỹ có nguồn gốc từ Việt Nam. Việc tăng thuế không chỉ ảnh hưởng đến lợi nhuận của nhà sản xuất trong nước, mà còn gây sức ép lên người tiêu dùng Mỹ do chi phí đầu vào tăng mạnh.

Một số dự báo về mức độ ảnh hưởng của thuế quan với nền kinh tế Châu Á

Hình 7: Thuế đối ứng và các nước bị ảnh hưởng lớn



- Việt Nam, Đài Loan, Thái Lan, Malaysia và Singapore là các nền kinh tế dễ bị tổn thương nhất với thuế đối ứng. Ngược lại, Ấn Độ và Philippines bị ảnh hưởng nhẹ hơn.

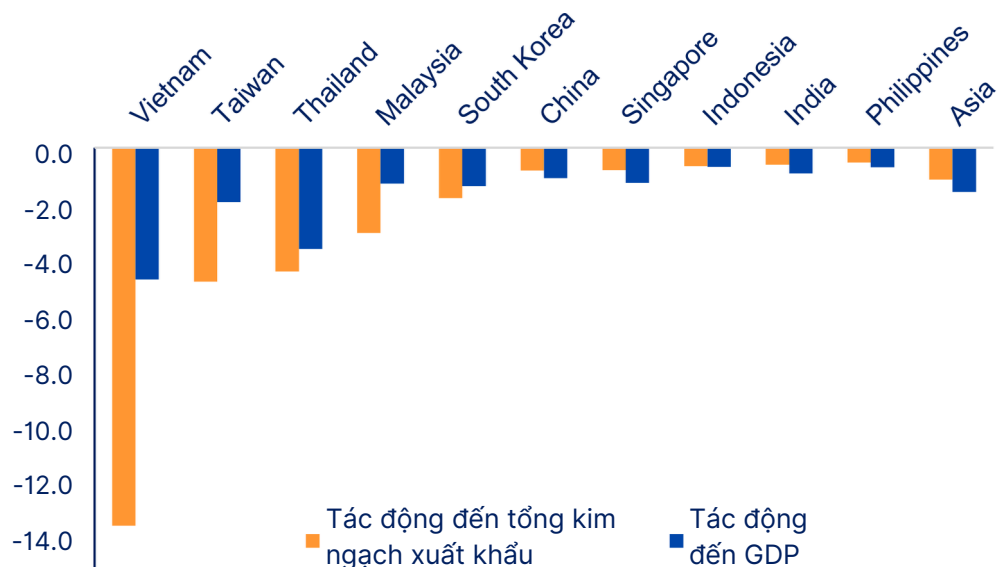
Bảng 1: Tác động tiêu cực từ cú sốc thuế quan - Đánh giá của CEIC, DBS

Tăng trưởng GDP thực (YoY)	Dự báo 2025	Dự báo rủi ro
China	5.00%	-0.50% -1.0%
Hong Kong SAR	2.50%	-0.50% -1.0%
India	6.50%	-0.50%
Indonesia	5.00%	-0.50%
Malaysia	4.80%	-1.00%
Philippines	5.80%	-0.50%
Singapore	2.80%	-0.50% -0.75%
South Korea	1.70%	-0.75% -1.0%
Taiwan	3.00%	-1.5% -2.0%
Thailand	2.60%	-1.5% -2.0%
Vietnam	6.80%	-2.0% -2.5%
Eurozone	1.00%	-0.50%
Japan	0.90%	-0.30%

Nguồn: CEIC, DBS

Các ước tính về rủi ro giảm bao gồm: (i) tác động của việc tính toán cú sốc về tỷ lệ mật độ dịch và (ii) các giả định về phản ứng chính sách tài khóa và tiền tệ trong nước.

Hình 8: Tác động nhạy cảm của thuế đối ứng Mỹ lên từng quốc gia - Đánh giá của CEIC, ADB MRIO, MUFG GMR (tính theo tỷ lệ xuất khẩu và GDP - % GDP)



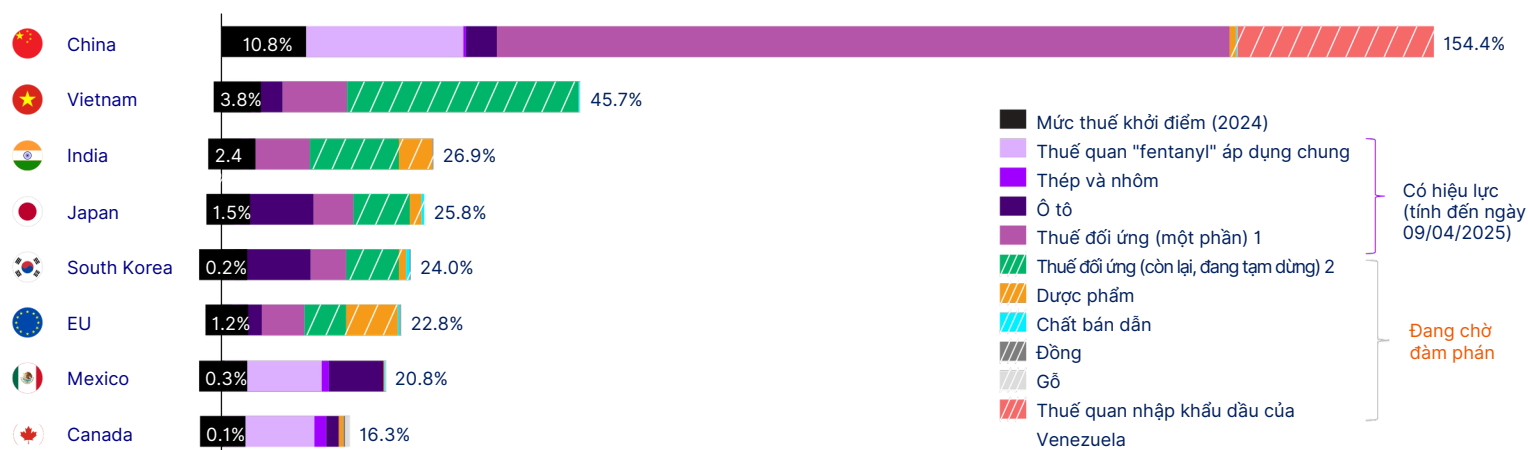
Nguồn: CEIC, ADB MRIO, MUFG GMR

Bảng 2: Tác động tiêu cực từ cú sốc thuế quan lên khu vực ASEAN - Đánh giá của OCBC

%YoY	Dự báo trước đây (2025)	Thay đổi dự báo (2025)	Thay đổi trong dự báo tăng trưởng GDP
Vietnam	6.2	5	-1.2
Thailand	2.8	2	-0.8
Malaysia	4.5	4.3	-0.2
Indonesia	4.9	4.7	-0.2
India	6.2	6	-0.2
Singapore	2.2	2.1	-0.1
Philippines	6	5.9	-0.1

Nguồn: OCBC

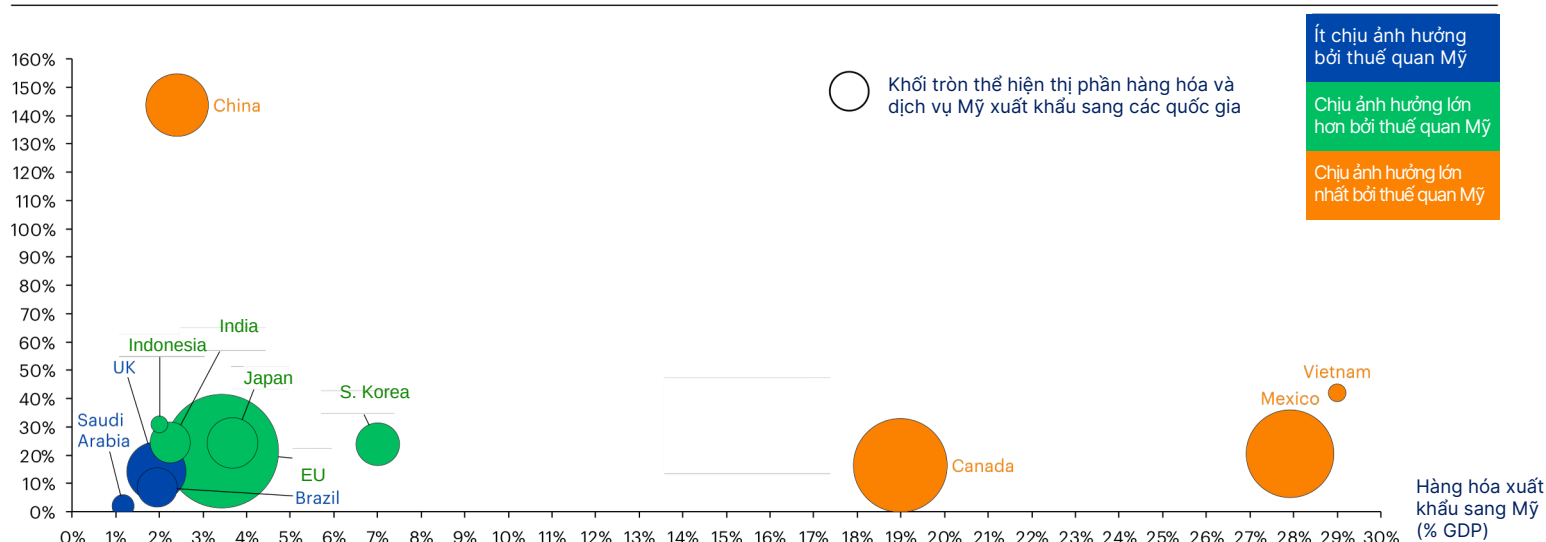
Hình 9: Tác động của các gói thuế quan lên mức thuế quan trung bình áp dụng cho các đối tác thương mại chính của Hoa Kỳ - Đánh giá của USITC, Haver, Accenture Strategy



Ghi chú: 1/ Bao gồm toàn bộ mức thuế quan qua lại 125% đối với Trung Quốc và mức thuế quan một phần 10% đối với tất cả các quốc gia khác (trừ Mexico và Canada); 2/ Bao gồm phần còn lại của mức thuế quan qua lại cao hơn được cá nhân hóa đối với một số quốc gia nhất định, việc thực hiện đã bị hoãn lại cho đến ít nhất là ngày 09/07/2025.

Nguồn: USITC, Haver, Accenture Strategy

Hình 10: Mức độ và cách thức các quốc gia khác nhau bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế của Mỹ



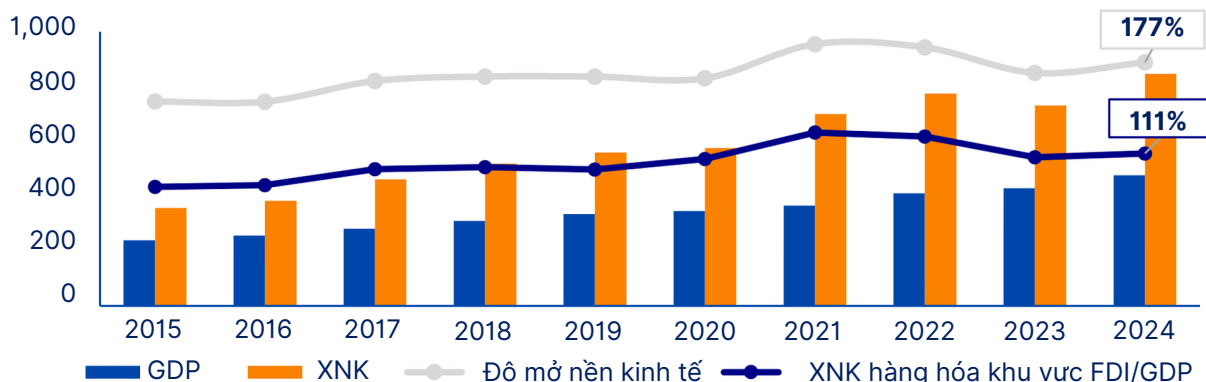
Ghi chú: Mức thuế đối ứng hiệu lực được thể hiện bao gồm tất cả các gói thuế đã được thông báo, trong đó một số vẫn chưa được thực hiện. Quốc gia càng phụ thuộc vào xuất khẩu sang Mỹ để tăng trưởng kinh tế, mức tăng thuế họ phải đối mặt càng cao. Ngược lại, quốc gia có tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ nhỏ hơn thường sẽ có xu hướng nhượng bộ thay vì trả đũa.

Nguồn: U.S. Bureau of Economic Analysis, Haver Analytics, USITC, IMF, Accenture Strategy

NỀN KINH TẾ VIỆT NAM CÓ ĐỘ MỞ CAO

Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao nhờ đóng góp lớn từ khối FDI

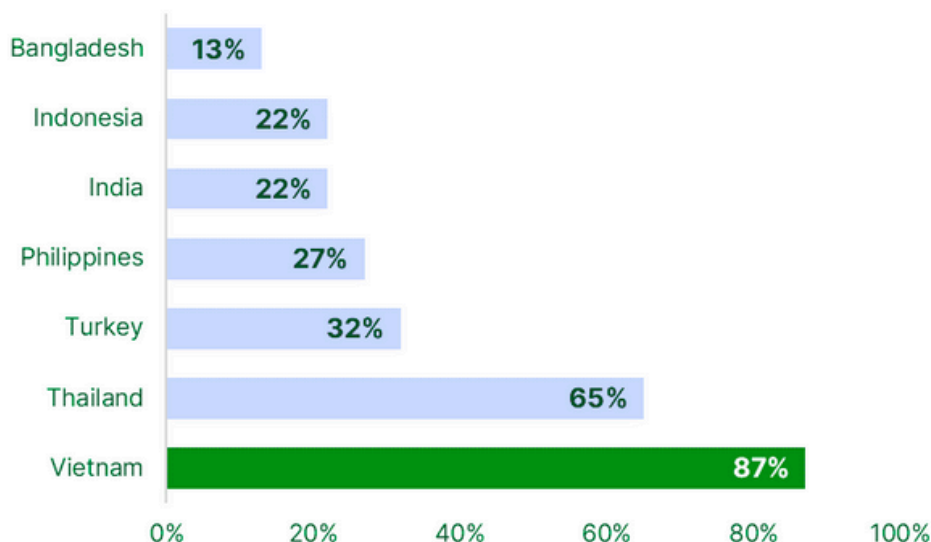
Hình 11: Độ mở của nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2015 -2024 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: GSO

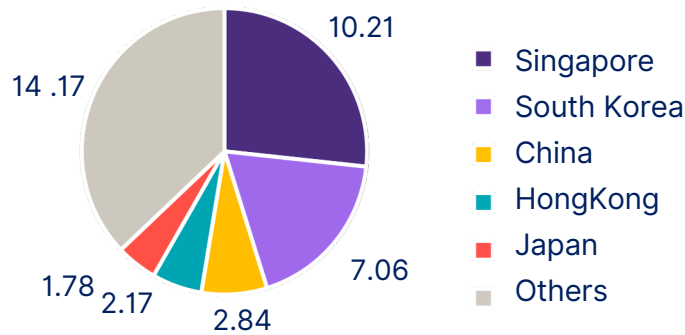
- Với độ mở thương mại thuộc hàng cao nhất thế giới – khi tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tương đương **177% GDP** – nền kinh tế Việt Nam **đặc biệt nhạy cảm trước những cơn gió ngược từ thuế quan toàn cầu**. Trong bối cảnh thế giới ngày càng mạnh mẽ xu hướng tái lập hàng rào thương mại, Việt Nam không chỉ đối diện tác động trực tiếp qua kênh xuất – nhập khẩu, mà còn chịu ảnh hưởng gián tiếp qua **các biến số như dòng vốn, tỷ giá, lạm phát nhập khẩu và kỳ vọng đầu tư**.
- Khi các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ hay Trung Quốc điều chỉnh chính sách thương mại, hiệu ứng “lan truyền” (**spillover**) có thể đến rất nhanh và rất sâu – đặc biệt với những quốc gia đang đóng vai trò trung chuyển trong chuỗi cung ứng khu vực như Việt Nam. Mỗi cú sốc thuế quan đều có thể làm lệch trục dòng vốn, xô lệch cán cân kỳ vọng và buộc doanh nghiệp phải thích nghi trong tình thế không kịp chuẩn bị.
- Thực tế, chính sách thuế mới từ Hoa Kỳ đang dần **bào mòn lợi thế** cạnh tranh của Việt Nam trong cuộc đua thu hút FDI – nhất là khi so sánh với các quốc gia cùng khu vực như Indonesia, Thái Lan hay Ấn Độ. Hai nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất – điện tử và dệt may – vốn là trụ cột sản xuất của khu vực FDI, nay lại rơi vào vùng bị siết thuế mạnh.
- Trước thời điểm áp thuế, Việt Nam giữ vị trí vững chắc trong nhóm quốc gia dẫn đầu về thu hút FDI tại Đông Nam Á, chỉ đứng sau Indonesia. Song, khi ưu thế “giá – địa lý – ổn định chính trị” không còn đủ để bù đắp rủi ro thuế quan, thì **sự phân hóa dòng vốn** trong khu vực có thể sẽ **diễn ra nhanh hơn và rõ nét hơn**.

Hình 12: Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ - % trong GDP (năm 2023)



Nguồn: World Bank

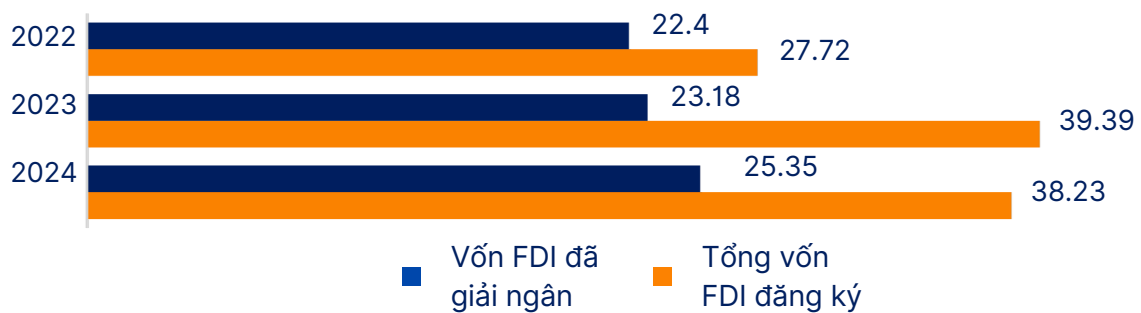
Hình 13: Vốn FDI vào Việt Nam theo quốc gia năm 2024 (ĐVT: tỷ USD)



- Năm 2024, Việt Nam thu hút đầu tư từ 114 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó các quốc gia châu Á tiếp tục là nguồn vốn chính. Singapore dẫn đầu với gần 10,21 tỷ USD vốn FDI đăng ký, tiếp theo là Hàn Quốc với 7,06 tỷ USD và Trung Quốc xếp thứ ba với 2,84 tỷ USD.
- Xét theo ngành, lĩnh vực sản xuất tiếp tục chiếm ưu thế khi thu hút 25,58 tỷ USD, trong khi bất động sản đứng thứ hai với 6,31 tỷ USD vốn đầu tư.

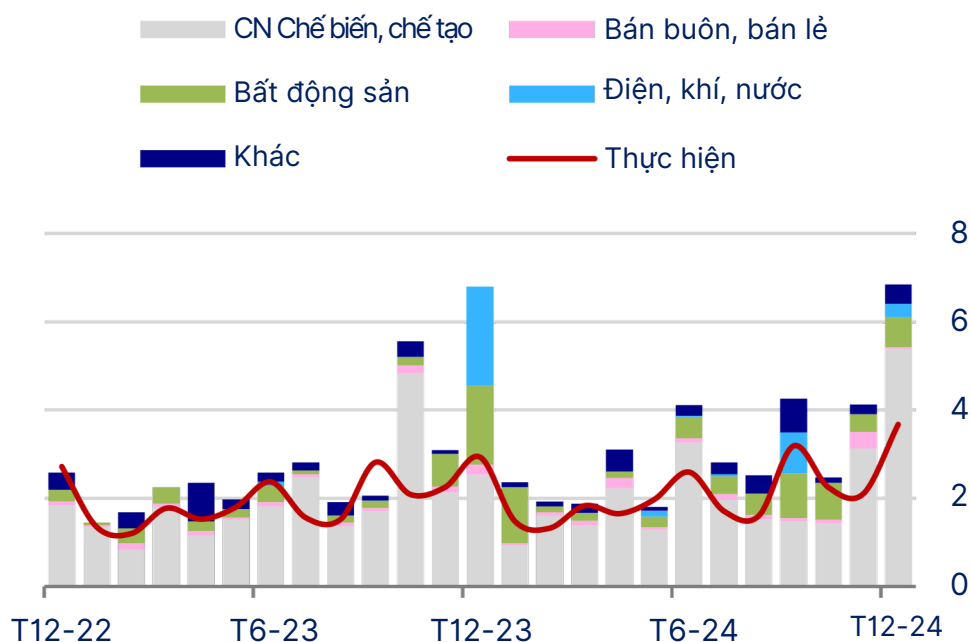
Nguồn: Vietnam Investment Review

Hình 14: Vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2022 - 2024 (ĐVT: tỷ USD)



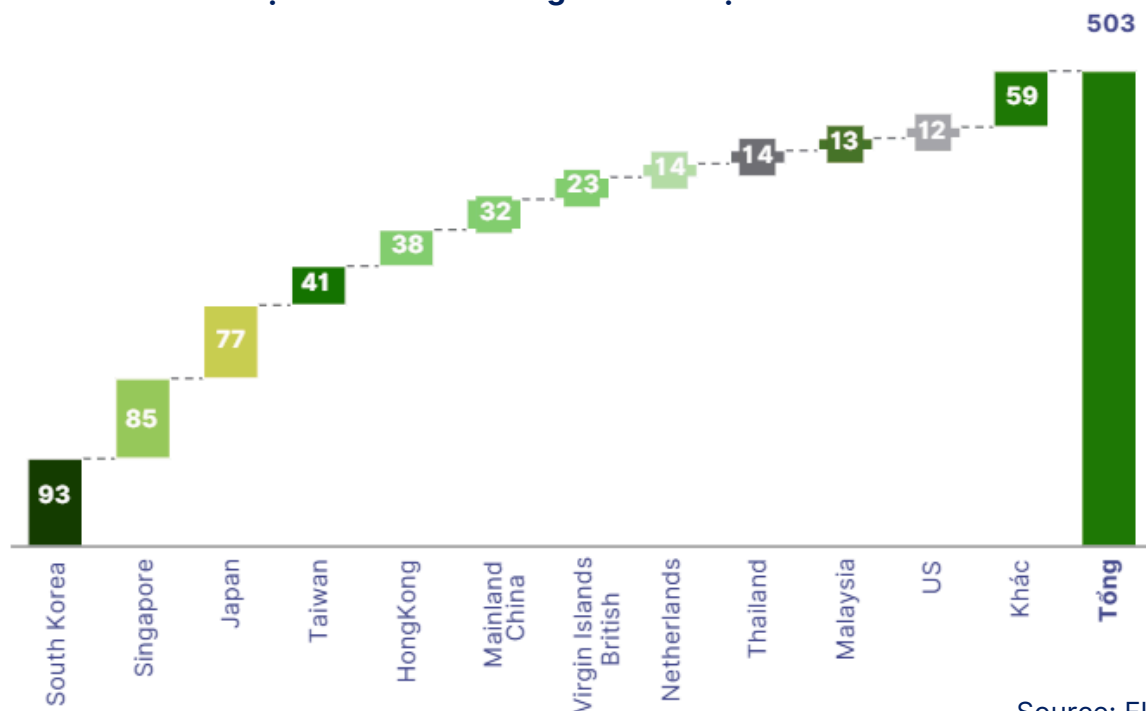
Nguồn: Vietnam Investment Review

Hình 15: Đầu tư FDI theo ngành nghề (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Bộ KH & ĐT

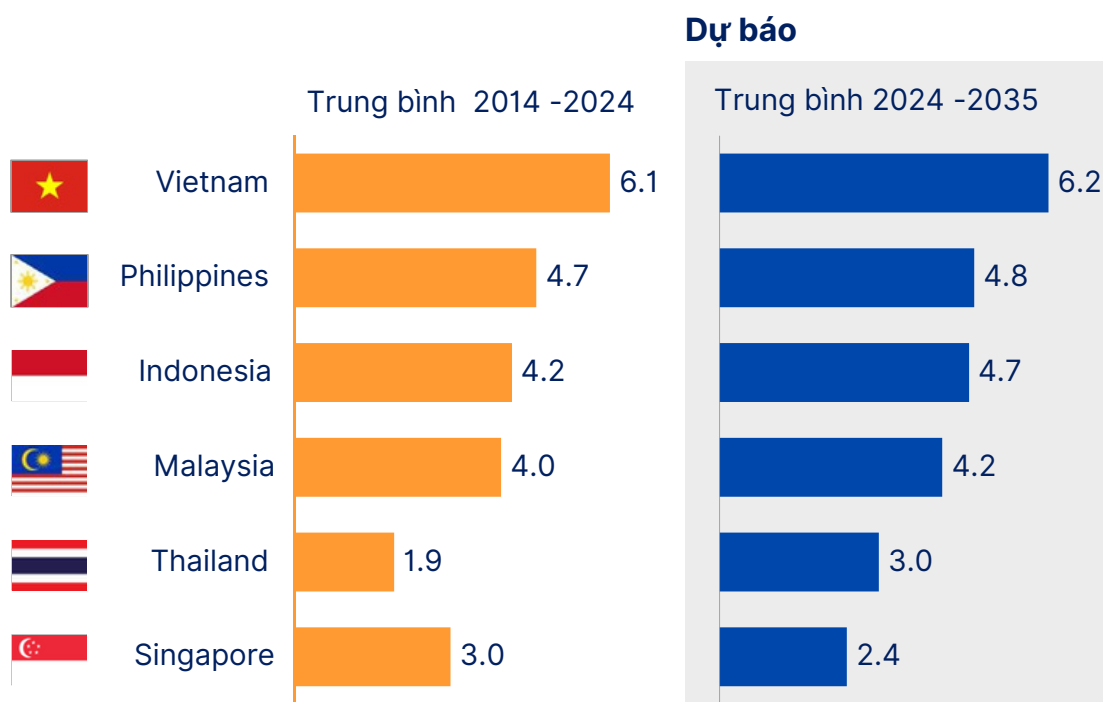
Hình 16: Việt Nam thu hút dòng vốn FDI mạnh mẽ từ các nhà đầu tư



Source: FIA, VIR, BCG

- Trong năm 2024, vốn FDI giải ngân đạt 25 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng danh mục FDI đang hoạt động lên đến 500 tỷ USD.
- Tính đến cuối năm 2024, cả nước ghi nhận khoảng 42.000 dự án FDI đang triển khai, với phần lớn nguồn vốn đến từ các nhà đầu tư châu Á.

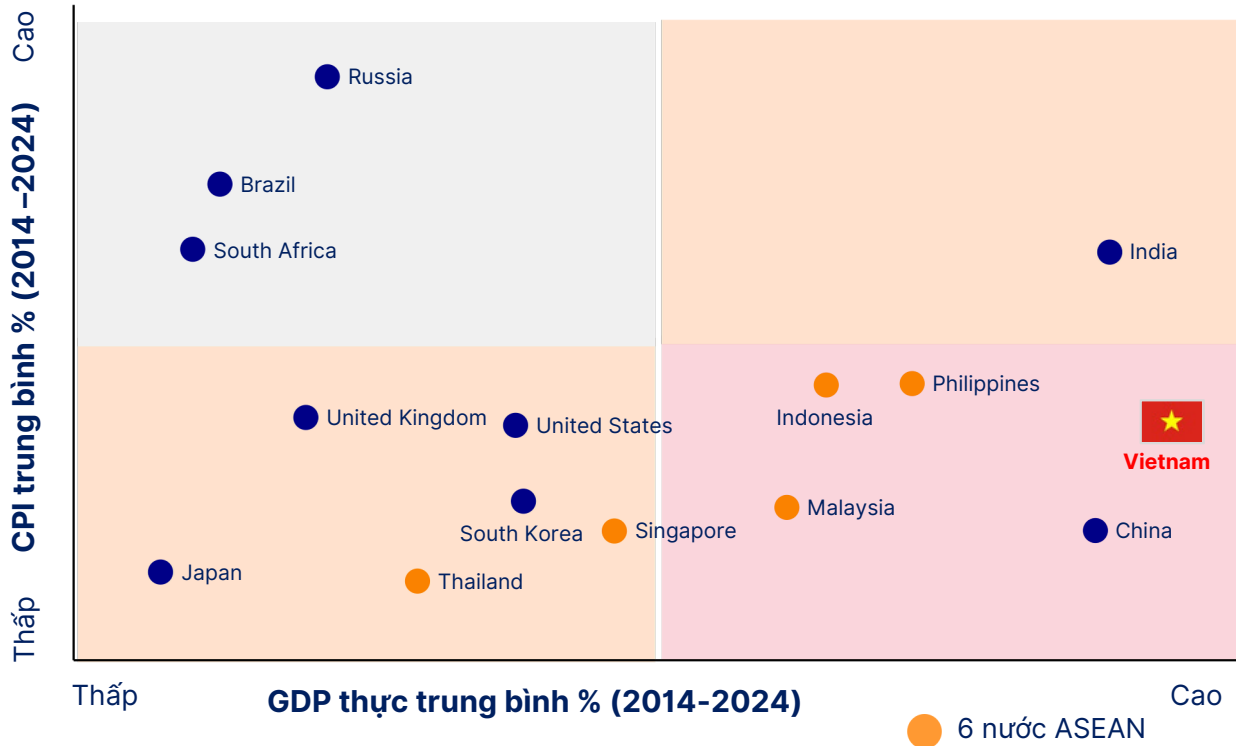
Hình 17: Cơ cấu GDP Việt Nam 2014 - 2024 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: S&P Global, Oxford Economics, CEBR, BCG

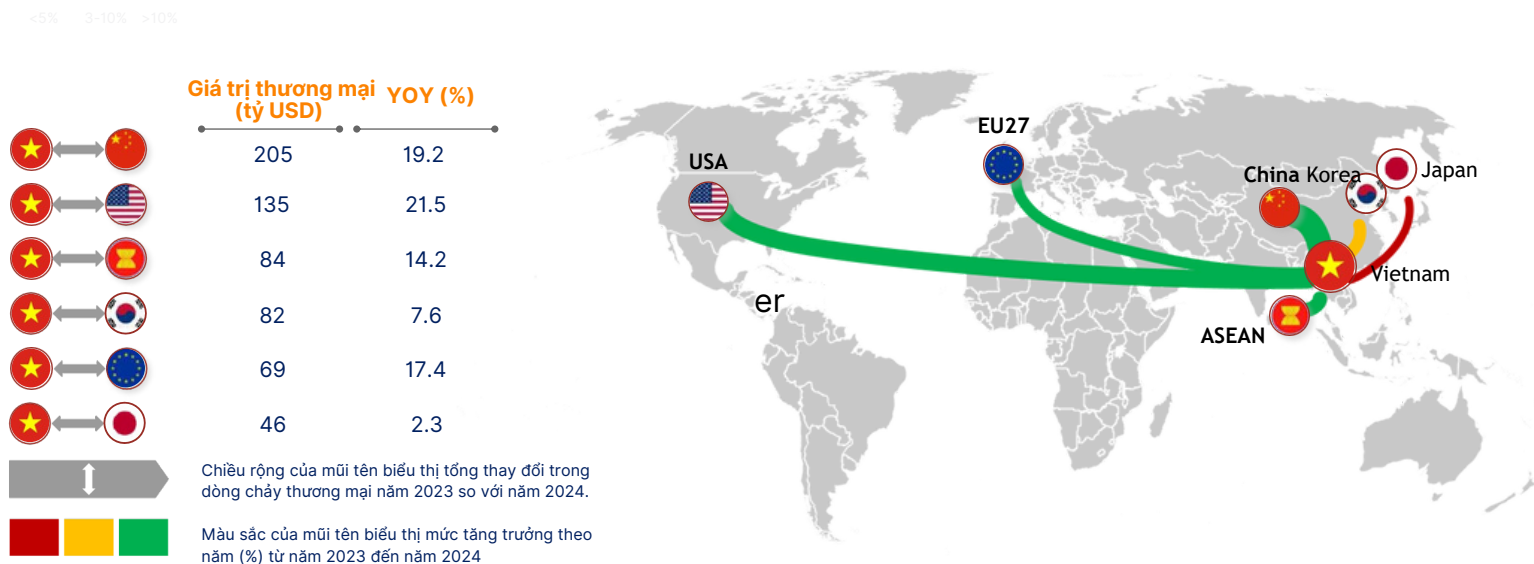
- Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP thực đạt 7,1% trong năm 2024 – cao nhất khu vực Đông Nam Á. Trong suốt thập kỷ qua, Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ấn tượng, kiểm soát lạm phát hiệu quả và chứng minh khả năng chống chịu vượt trội giữa bối cảnh nhiều biến động toàn cầu.
- Việt Nam được dự báo sẽ vươn lên dẫn đầu khu vực trong thập niên tới và trở thành một trong 25 nền kinh tế lớn nhất thế giới. GDP danh nghĩa dự kiến đạt hơn 1.122 tỷ USD vào năm 2035, tăng gấp 2,5 lần so với mức 459 tỷ USD hiện tại.

Hình 18: Sự cân bằng giữa tăng trưởng và lạm phát



Nguồn: S&P Global, Oxford Economics, CEBR, BCG analysis

Hình 19: Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và các nước trọng điểm giai đoạn 2023-2024



Nguồn: GSO, HSC, S&P Global, BCG analysis

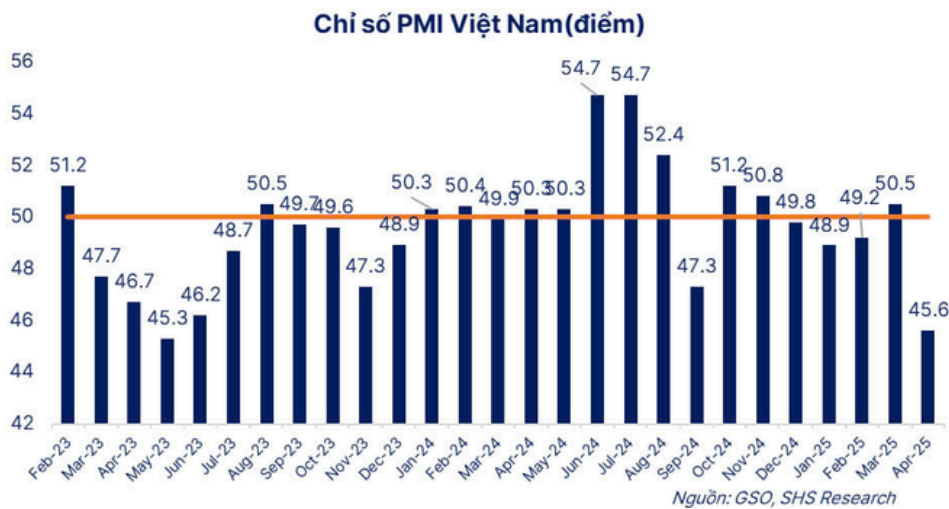
- Việt Nam đang dẫn đầu ASEAN về tăng trưởng xuất khẩu toàn cầu, với thị phần tăng thêm 0,5% trong giai đoạn 2017–2023, trái ngược với xu hướng suy giảm tại Singapore, Thái Lan và Philippines. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu mang lại cơ hội lớn, dù vẫn còn rủi ro từ chiến tranh thương mại và địa chính trị. Việt Nam hiện duy trì quan hệ thương mại chặt chẽ với các đối tác chiến lược như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN và EU.

Hình 20: Thặng dư thương mại tính đến tháng 12/2024



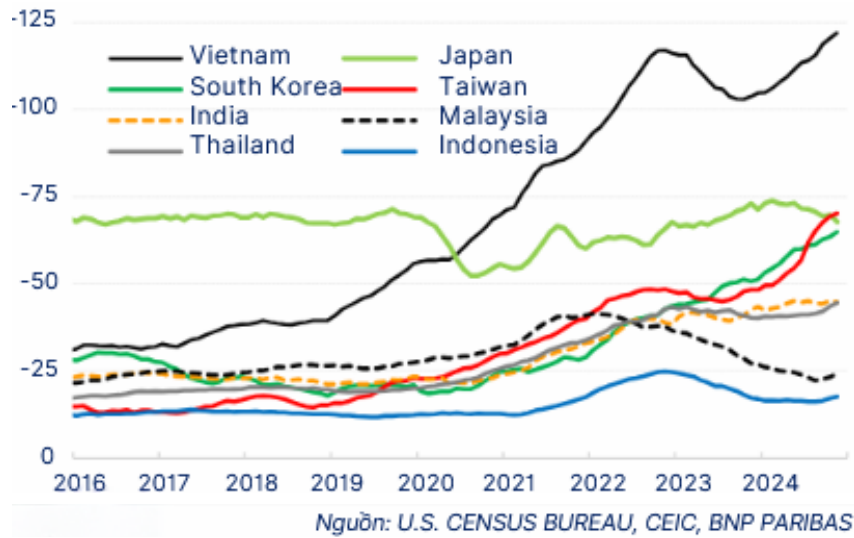
Nguồn: Vietnamnews

Hình 21: Chỉ số Quản lý Mua hàng (PMI) của Việt Nam

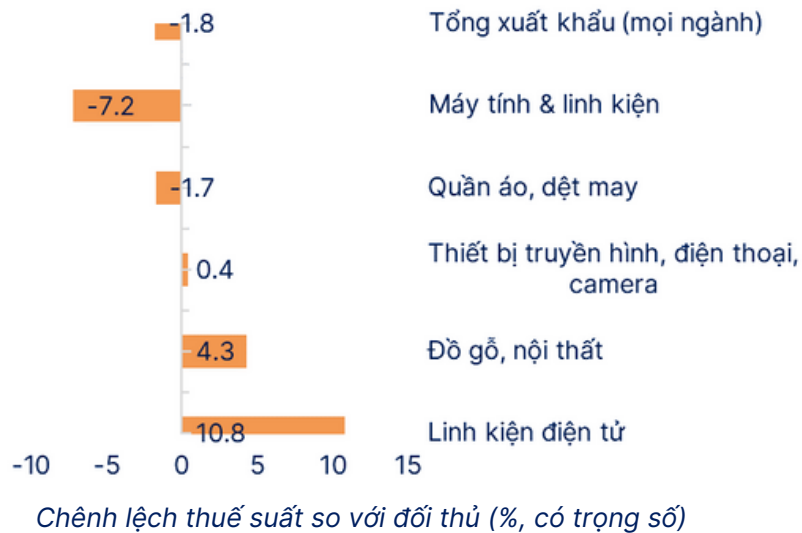


- Việc chỉ số PMI Việt Nam rơi xuống 45,6 điểm trong tháng 4/2024 – mức thấp nhất kể từ đầu năm 2023 – cho thấy rõ ràng sự suy yếu đã không còn nằm ở mức cảnh báo kỹ thuật, mà đang hiện hiện trong thực tế vận hành sản xuất. Cú rơi này nối tiếp ngay sau một đợt phục hồi ngắn ngủi tháng trước, càng cho thấy **đà cải thiện yếu ớt đã bị bẻ gãy bởi cú sốc chính sách từ bên ngoài, cụ thể là việc Mỹ bất ngờ áp thuế lên hàng hóa Việt Nam**. Đơn hàng mới, nhất là xuất khẩu, lao dốc sâu tháng thứ sáu liên tiếp – phản ánh cú đánh trực tiếp vào ngoại thương, vốn là động lực chính của sản xuất. Trong khi đó, tâm lý doanh nghiệp qua khảo sát xuống mức thấp nhất kể từ đại dịch, cho thấy lo ngại không chỉ ở hiện tại mà còn kéo dài vào tương lai gần. Mặt khác, chi phí đầu vào tăng cùng logistics chưa thông suốt khiến toàn thị trường rơi vào trạng thái **"chần chừ chiến lược" – không dám mở rộng, không muốn vay thêm, không thể tái đầu tư** – điều này nếu kéo dài sẽ phá vỡ đà phục hồi tự nhiên của nền sản xuất.
- Ở thời điểm hiện tại, nhiều doanh nghiệp sản xuất đang rơi vào thế “kẹt chéo” rõ rệt. Giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn neo ở mức cao do dư chấn kéo dài từ cuộc xung đột Nga – Ukraine, khiến chi phí logistics chưa hạ nhiệt. Đồng thời, chính sách thuế quan mới từ Hoa Kỳ càng gia tăng áp lực chi phí lên chuỗi cung ứng. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất trong nước chưa có dấu hiệu giảm bền vững, khiến chi phí vốn tiếp tục là rào cản lớn. Kết quả là: dù có đơn hàng trong tay, doanh nghiệp vẫn khó mở rộng sản xuất – sức bật bị kìm hãm đồng thời từ cả hai phía: **chi phí đầu vào tăng cao và khả năng tiếp cận vốn bị thu hẹp**.
- Trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) duy trì lãi suất cao và tiếp tục chính sách thắt chặt định lượng (QT) (Dù đã hạ Pace), kỳ vọng về việc giảm chi phí tài chính vẫn chưa thể xảy ra. Điều này đặc biệt gây khó cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa – vốn là lực lượng chủ chốt trong ngành xuất khẩu – khi họ ngày càng khó tiếp cận được nguồn vốn cần thiết cho tái đầu tư và mở rộng năng lực sản xuất.

Hình 22: Thâm hụt thương mại song phương của Mỹ với các quốc gia Châu Á



Hình 23: Chênh lệch thuế suất các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam so với đối thủ (%)

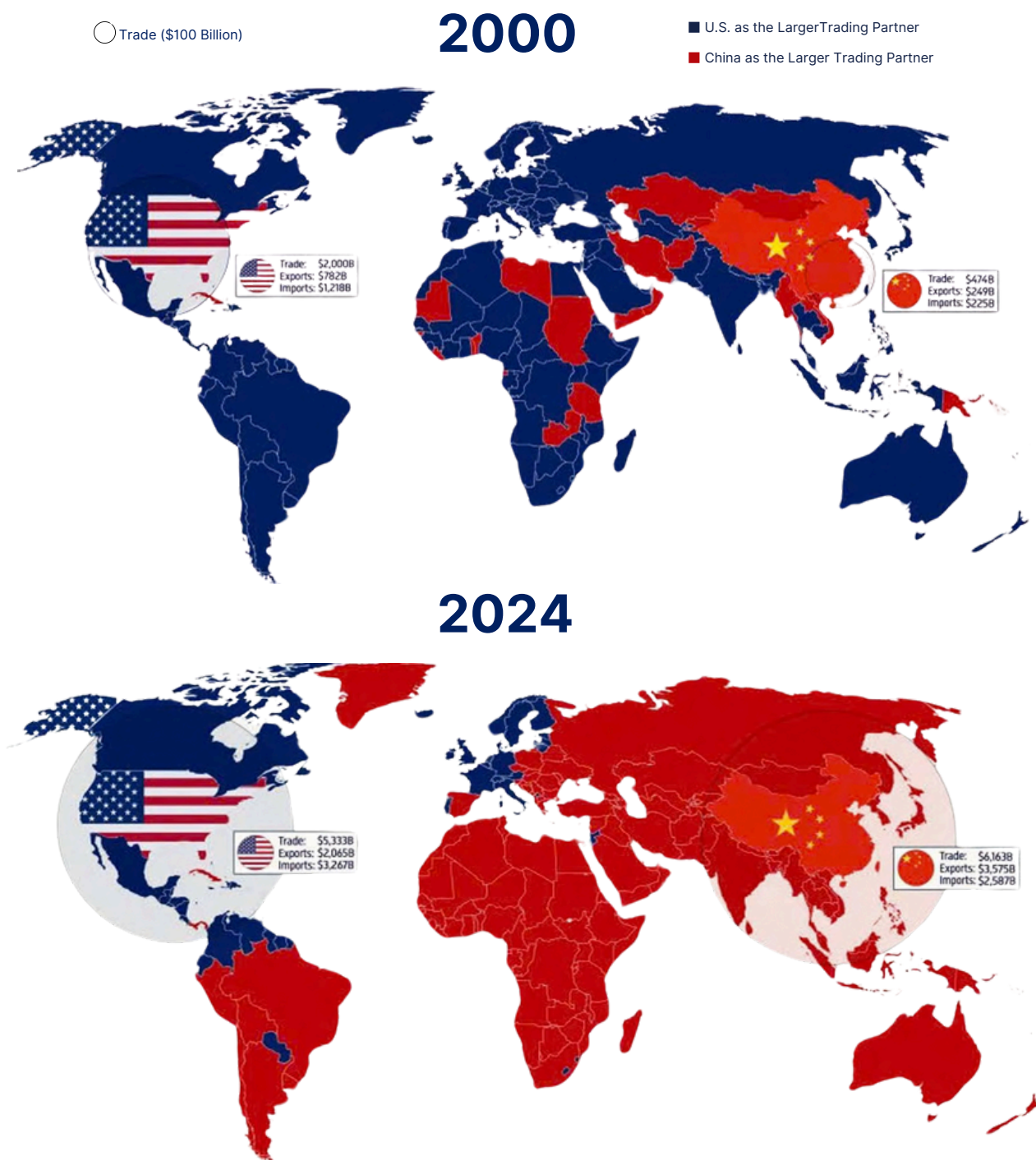


Nguồn: Global Trade Alert, dựa trên số liệu nhập khẩu từ USITC DataWeb

- Từ sau 2018, làn sóng doanh nghiệp Trung Quốc dịch chuyển nhà máy sang Việt Nam nhằm né thuế Mỹ và giảm chi phí đã giúp Việt Nam bắt kịp thành trung tâm sản xuất mới của khu vực. Quan hệ thương mại song phương Việt – Trung vì thế được đẩy mạnh, còn thị phần xuất khẩu sang Mỹ – vốn sụt giảm từ tay Trung Quốc – lại dần được Việt Nam thay thế.
- Tuy nhiên, mặt trái đang hiện rõ: không ít doanh nghiệp FDI mang hình thức Việt Nam nhưng thực chất là mắt xích trong chuỗi cung ứng Trung Quốc, sản xuất trung gian rồi xuất khẩu sang Mỹ. Điều này khiến Việt Nam bị Mỹ theo dõi sát về gian lận xuất xứ và nguy cơ trở thành "bàn đạp thương mại" cho Trung Quốc. Nếu không kiểm soát tốt, lợi thế ngắn hạn sẽ trở thành rủi ro dài hạn, nhất là khi Mỹ đẩy mạnh chiến lược "friend-shoring" và **siết quy tắc xuất xứ**.
- Dù vậy, Việt Nam vẫn giữ được sức hút tương đối nhờ các yếu tố như: lao động chi phí cạnh tranh nhưng tay nghề tốt, vị trí chiến lược trong chuỗi cung ứng châu Á, chính sách FDI cởi mở, và lập trường trung lập trong xung đột Mỹ - Trung.
- Do đó, nếu Mỹ chỉ áp mức thuế vừa phải, Việt Nam vẫn có thể tiếp tục hưởng lợi từ quá trình tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhưng **nếu Washington quyết liệt hơn** – như từng làm với hàng thép hay gỗ dán – **thì cả xuất khẩu lẫn dòng FDI đều có thể chịu tổn thương, đặc biệt là các lĩnh vực mang tính "gia công trung gian"**.

Thống trị thương mại toàn cầu: U.S. vs. China

Vào năm 2000, tổng giá trị thương mại của Mỹ đạt 2.000 tỷ USD - cao hơn hơn bốn lần so với 474 tỷ USD của Trung Quốc. Từ năm 2000 đến 2024, thương mại của Mỹ tăng 167% (tương đương tăng trưởng kép hàng năm - CAGR là 4,2%), trong khi thương mại của Trung Quốc tăng vọt 1.200% (CAGR 11,3%), vượt qua Mỹ vào năm 2012. Đến năm 2024, tổng giá trị thương mại đạt 5.300 tỷ USD đối với Mỹ và 6.200 tỷ USD đối với Trung Quốc.



Thương mại hàng hóa = xuất khẩu cộng nhập khẩu

Dữ liệu về các đối tác thương mại của Mỹ được lấy từ Cục Điều tra Dân số Hoa Kỳ, còn dữ liệu về các đối tác thương mại của Trung Quốc đến từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Nguồn: U.S. Census, Customs of China

CHIẾN LƯỢC CỦA VIỆT NAM: THÍCH ỨNG VÀ ĐÀM PHÁN

Phản ứng từ phía Việt Nam:

- Ngay sau khi Mỹ công bố thuế đối ứng, Chính phủ Việt Nam đã chủ động đàm phán với Mỹ, đề xuất giảm thuế nhập khẩu hàng hóa Mỹ xuống 0%, đồng thời yêu cầu hoãn áp dụng thuế đối ứng với hàng xuất khẩu Việt Nam ít nhất 45 ngày.
- Đây là một phần trong chiến lược đàm phán để hướng tới cán cân thương mại bền vững, bảo vệ lợi ích song phương và không vi phạm các cam kết quốc tế hiện hành của Việt Nam.

Chiến lược của Việt Nam: Thích ứng và đàm phán

1. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu

- Giảm phụ thuộc vào thị trường Mỹ bằng cách mở rộng sang các nước có mức thuế thấp hơn và nhu cầu ổn định với hàng hóa Việt Nam.
- Tận dụng các FTA hiện có như CPTPP, EVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu sang các đối tác đã ký kết.

2. Tăng cường ngoại giao thương mại

- Phối hợp cùng Chính phủ để đàm phán với đại diện thương mại Mỹ, tìm kiếm phương án giảm thuế hoặc cơ chế thay thế.
- Chủ động tham gia các diễn đàn thương mại quốc tế để bảo vệ lợi ích xuất khẩu và kêu gọi chính sách công bằng.

3. Điều chỉnh chuỗi cung ứng

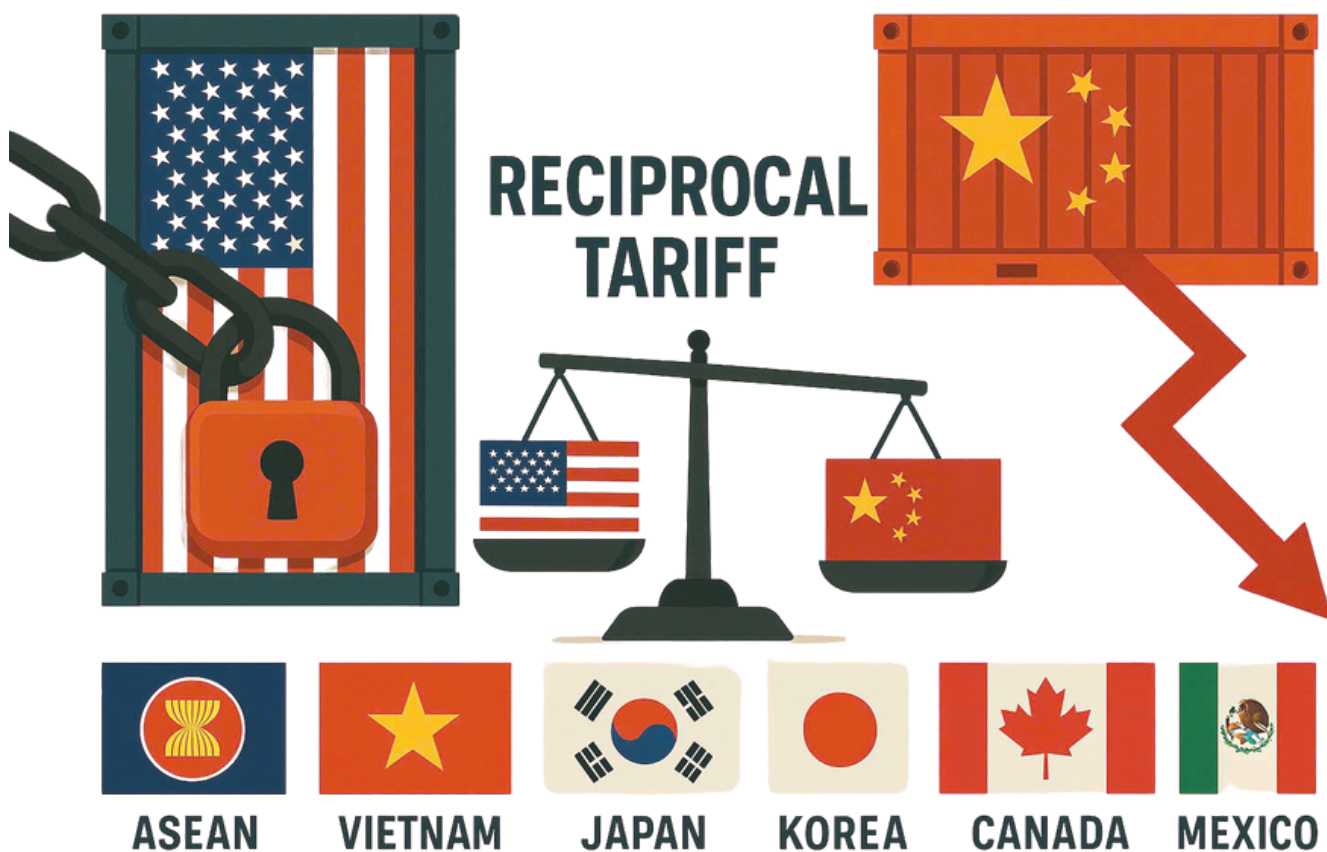
- Cải thiện chất lượng, mẫu mã, độ độc đáo để hàng Việt vẫn cạnh tranh được tại Mỹ dù giá cao hơn.
- Tập trung vào phân khúc trung – cao cấp để tránh cạnh tranh bằng giá.

4. Thích ứng thị trường - nâng cao giá trị hàng Việt

- Tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu mới từ các quốc gia được hưởng ưu đãi thuế thông qua FTA, giúp giảm chi phí đầu vào và giữ biên lợi nhuận.

Đánh giá chung

- Việc tạm hoãn áp thuế đối ứng trong 90 ngày đối với phần lớn các quốc gia là một tín hiệu tích cực ngắn hạn cho Việt Nam, **tạo ra khoảng đệm cần thiết để nối lại các cuộc đối thoại thương mại**. Trong thời gian này, xuất khẩu sang thị trường Mỹ có thể ghi nhận sự cải thiện nhất định, khi các nhà nhập khẩu Mỹ tranh thủ chốt đơn hàng phục vụ mùa tựu trường và kỳ lễ cuối năm – trừ những đơn hàng có chu kỳ sản xuất vượt quá 90 ngày. Ngày 7/5, Việt Nam đã bắt đầu đàm phán chính thức về các vấn đề thuế quan với Hoa Kỳ, với các chính sách nhượng bộ và mềm dẻo thì chắc chắn mức thuế suất áp cho Việt Nam sẽ thấp hơn con số 46% như dự tính ban đầu.
- Dầu vậy, thuế quan đối ứng vẫn là một **"bóng mây lớn"** lơ lửng trên đường chân trời. Trong khoảng thời gian ba tháng này, các quốc gia – trong đó có Việt Nam – sẽ cần tăng tốc đàm phán với Hoa Kỳ, với trọng tâm là thu hẹp thặng dư thương mại. Điều này có thể đòi hỏi một loạt nhượng bộ chính sách, như giảm thuế nhập khẩu hàng Mỹ về 0% và **đặc biệt là gia tăng mua hàng hóa chiến lược từ Mỹ** – bao gồm: linh kiện hàng không, dầu thô, nhiên liệu hóa lỏng và các sản phẩm năng lượng đã qua chế biến.
- Cú sốc chính sách lần này cũng đang thôi thúc các quốc gia đẩy nhanh chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu – mở rộng hướng đi về phía Trung Quốc, cũng như các đồng minh chiến lược của Mỹ như Canada, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc – nhằm **giảm thiểu mức độ lệ thuộc vào một thị trường đơn lẻ** và tăng cường khả năng thích ứng trước các rủi ro chính sách mang tính chu kỳ.



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MỘT SỐ NGÀNH CƠ BẢN

TT	Ngành	Ảnh hưởng	Đánh giá	Chi tiết
1	BDS Khu Công Nghiệp	Trực tiếp	●●	Phần I
2	Dệt may, da giày, thủy sản	Trực tiếp	●●●	Phần II
3	Gỗ	Trực tiếp	●●	Phần II
4	Cảng biển	Gián tiếp	●	Phần III
5	Thép	Gián tiếp	●	Phần IV

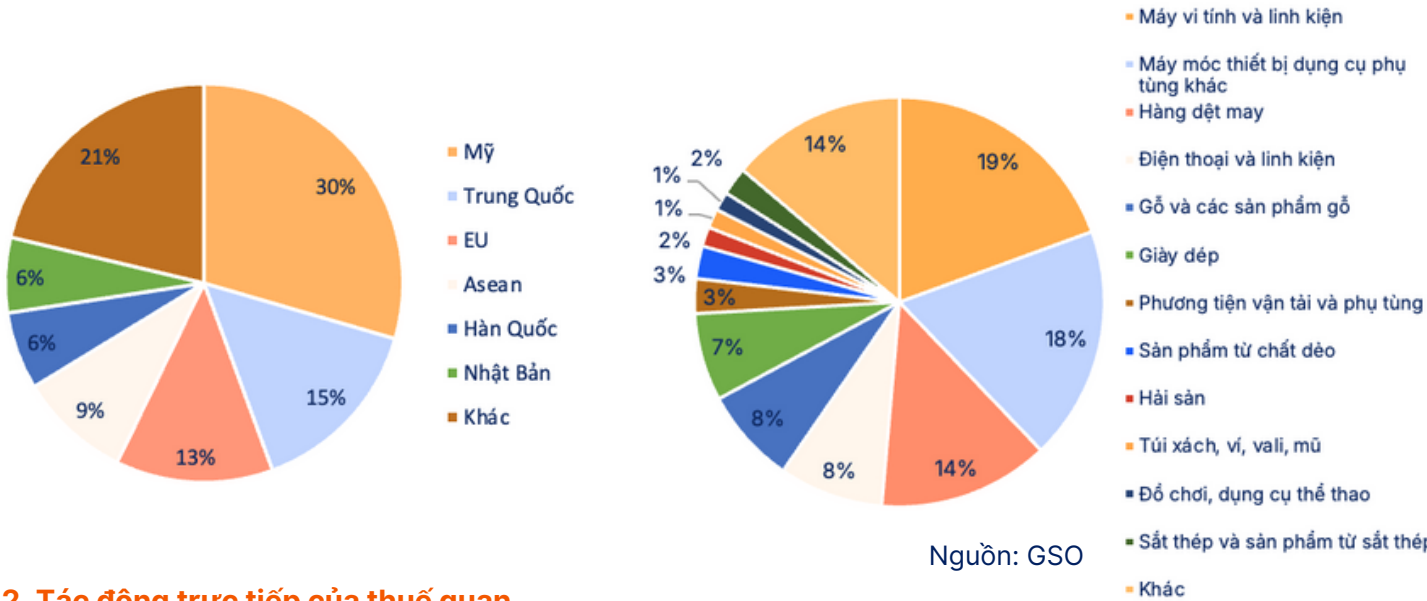
PHẦN I: NGÀNH BĐS - KHU CÔNG NGHIỆP

Chính sách thuế đối ứng của Mỹ, được công bố vào tháng 4/2025 và có hiệu lực từ ngày 9/4/2025, dự kiến sẽ tác động đáng kể đến các doanh nghiệp trong ngành bất động sản khu công nghiệp tại Việt Nam.

1. Tỷ trọng thị trường Mỹ trong xuất khẩu của Việt Nam

- Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong năm 2024 với tỷ trọng gần 30%.
- Các mặt hàng điện tử và dệt may chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu xuất Mỹ, trong đó máy vi tính và linh kiện (19%), điện thoại và linh kiện (8%) và dệt may (14%).

Hình 24: Tỷ trọng thị trường Mỹ trong xuất khẩu của Việt Nam



2. Tác động trực tiếp của thuế quan

- Thuế quan làm tăng giá hàng hóa Việt Nam tại thị trường Mỹ, gây bất lợi cho khả năng cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam

Nếu Mỹ áp thuế quan 46% lên hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, giá cả hàng hóa tại thị trường Mỹ sẽ tăng mạnh tùy thuộc vào mức độ truyền tải thuế quan đối với từng mặt hàng. Mức truyền tải thuế quan là tỷ lệ phần trăm thuế quan được chuyển từ người nhập khẩu sang giá bán cuối cùng tại thị trường Mỹ.

Bảng 3: Tổng hợp mức độ truyền tải cho các nhóm hàng xuất khẩu chính sang Mỹ

Nhóm mặt hàng	Mức truyền tải ước tính (%)	Cơ sở ước tính
Điện tử, máy tính và linh kiện	90 - 100	Nghiên cứu CEPR (2023), NBER mức truyền tải cao cho hàng công nghệ cao.
Điện thoại và linh kiện	90 - 100	Tương tự điện tử, dựa trên nghiên cứu về hàng hóa công nghệ.
Dệt may	80 - 100	Nghiên cứu Budget Lab at Yale, báo cáo Fashion Dive.
Giày dép	80 - 100	Tương tự dệt may
Đồ gỗ và sản phẩm gỗ	80 - 100	Tương tự hàng chế tạo, mức truyền tải cao, dựa trên nghiên cứu CEPR.
Máy móc, thiết bị và phụ tùng	90 - 100	Nghiên cứu CEPR
Thủy sản	60 - 80	Nghiên cứu CEPR, NBER, mức truyền tải thấp cho nông sản, tính đàn hồi cao.

NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN - KHU CÔNG NGHIỆP

- **Giảm nhu cầu xuất khẩu buộc các ngành sản xuất thu hẹp quy mô**

Thuế quan làm tăng giá hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, dẫn đến giảm nhu cầu từ thị trường này. Dựa trên lý thuyết kinh tế, mức giảm sản lượng phụ thuộc vào độ đàn hồi giá của nhu cầu nhập khẩu (PED), được định nghĩa là tỷ lệ phần trăm thay đổi lượng cầu chia cho tỷ lệ phần trăm thay đổi giá. Ví dụ nếu mức giá tăng 10%, với PED = -2 thì sức cầu đối với sản phẩm đó sẽ giảm tương ứng 20%.

- **Thuế quan làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài (FDI), đặc biệt là những công ty phụ thuộc vào thị trường Mỹ, từ đó làm giảm nhu cầu thuê đất công nghiệp**

Bảng 4: Ước tính mức độ ảnh hưởng các ngành hàng xuất khẩu nếu Mỹ áp thuế 46%

Ngành	% Chi phí sản xuất trong giá bán	Mức truyền tải (%)	PED (*)	Tăng giá (%)	Giảm lượng xuất khẩu (%)
Dệt may	25%	80 - 100	-2.0	9,2 - 11,5	18,4 - 23,0
Giày dép	21%	80 - 100	-2.2	7,73 - 9,66	17,0 - 21,25
Điện tử, máy tính và linh kiện	56%	90 - 100	-1.5	11,59 - 12,88	17,39 - 19,32
Điện thoại và linh kiện	56%	90 - 100	-1.5	11,59 - 12,88	17,39 - 19,32
Đồ gỗ	36%	80 - 100	-1.8	6,62 - 8,28	11,92 - 14,9
Máy móc, thiết bị và phụ tùng	80%	90 - 100	-1.3	16,56 - 18,4	21,53 - 23,92
Thủy sản	48%	60 - 80	-2.5	6,62 - 8,83	16,56 - 22,08

(*) PED được giả định dựa trên độ co giãn nhu cầu nhập khẩu của Mỹ theo báo cáo của USITC

3. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung năm 2018 tác động lên BĐS KCN Trung Quốc như thế nào?

Năm 2018, Mỹ áp đặt thuế quan lên khoảng 350 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, với mức thuế dao động từ 10% đến 25%. Cụ thể, Mỹ áp thuế 25% trên 50 tỷ USD hàng hóa công nghệ cao và 10% trên 200 tỷ USD hàng hóa khác, sau đó tăng lên 25% vào năm 2019. Trung Quốc đáp trả bằng thuế quan trên 110 tỷ USD hàng hóa Mỹ, tập trung vào nông sản và nguyên liệu công nghiệp. Theo World Bank (2019), xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ giảm khoảng 12,4% trong giai đoạn 2018-2019, tương đương 50 tỷ USD do các doanh nghiệp gặp khó khăn cạnh tranh tại thị trường Mỹ.

Thuế quan đã gây ra những thay đổi đáng kể trong ngành BĐS khu công nghiệp Trung Quốc, đặc biệt ở các trung tâm sản xuất xuất khẩu như Quảng Đông, Chiết Giang, và Thượng Hải.

Tăng tỷ lệ trống

- Tỷ lệ trống tại các khu công nghiệp hiện đại tăng từ khoảng 10% vào năm 2018 lên 12% vào năm 2019 trên phạm vi quốc gia (CBRE Research (2019)).
- Ở Quảng Đông, một trung tâm sản xuất lớn, tỷ lệ trống tại các khu công nghiệp tăng từ 10% lên 15% giữa năm 2018 và 2019, đặc biệt ở các thành phố như Đông Quan và Thâm Quyển, nơi tập trung ngành điện tử và dệt may (Knight Frank, 2019).
- Tại các thành phố cấp một như Bắc Kinh và Thượng Hải, tỷ lệ trống tăng từ 8% lên 10%, trong khi các thành phố cấp hai như Tô Châu và Đông Quan chứng kiến tăng mạnh hơn, từ 10% lên 15% (Cushman & Wakefield, 2019).

Giảm giá thuê

- Giá thuê đất công nghiệp tại các khu vực bị ảnh hưởng giảm trung bình 5-8%. Ví dụ, tại Thâm Quyển, giá thuê nhà xưởng tiêu chuẩn giảm từ 1,2 USD/m²/tháng xuống còn 1,1 USD/m²/tháng vào năm 2019 (Colliers International, 2019).
- Ở Quảng Đông, giá thuê giảm mạnh hơn, với mức giảm 8% tại các khu công nghiệp tiêu chuẩn, do áp lực từ việc giảm đơn hàng xuất khẩu (Savills China, 2020).

NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN - KHU CÔNG NGHIỆP

Giảm hoạt động cho thuê

- Hoạt động cho thuê tại các khu công nghiệp giảm khoảng 15-20% trên toàn quốc vào năm 2019 so với năm 2018 (Cushman & Wakefield (2019)).
- Tại khu công nghiệp Longhua (Thâm Quyển), số lượng hợp đồng thuê mới giảm 30% so với năm 2017, do nhiều nhà máy điện tử cắt giảm quy mô hoặc đóng cửa (South China Morning Post, 2019).

Suy giảm đầu tư vào khu công nghiệp mới

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu công nghiệp giảm 8% vào năm 2019, từ 135 tỷ USD năm 2018 xuống 124 tỷ USD, theo Bộ Thương mại Trung Quốc (2020).
- Số lượng dự án khu công nghiệp mới khởi công giảm 12% so với năm trước, đặc biệt ở Chiết Giang và Giang Tô, do nhà đầu tư lo ngại về rủi ro thương mại (China Real Estate Association, 2019).

4. Đánh giá mức độ ảnh hưởng đến ngành BĐS KCN của Việt Nam

- Việt Nam là nước bị áp thuế đối ứng thuộc top cao nhất trong số các nước trong khu vực Asean, cao hơn từ 10% - 29% so với các nước cạnh tranh trực tiếp nguồn vốn FDI như Thái Lan, Indonesia, Philippines. Do đó trong trường hợp mức chênh lệch giữ nguyên như trên, nguồn vốn FDI mới sẽ ưu tiên đầu tư vào các nước nêu trên nhờ lợi thế về thuế.

Quốc Gia	Mức thuế đối ứng của Mỹ (%)
Việt Nam	46%
Thái Lan	36%
Malaysia	24%
Phillippines	17%
Indonesia	32%
Singapore	10%

- Sự suy giảm nhu cầu tại thị trường Mỹ do giá cả tăng làm các doanh nghiệp xuất khẩu phải thu hẹp quy mô, dẫn tới nguồn thu từ cung cấp dịch vụ tiện ích như điện, nước tại các khu công nghiệp bị sụt giảm. Đây cũng là nguồn thu đáng kể ảnh hưởng tới lợi nhuận của các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp.
- Vốn đầu tư FDI mới sụt giảm cùng với việc các doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất có thể khiến cho giá cho thuê giảm và tỷ lệ trống tăng cao, tương tự như trong trường hợp của Trung Quốc năm 2018.
- Trong trường hợp xấu nhất không đàm phán thành công và Việt Nam phải chịu mức thuế đối ứng 46%, chúng tôi dự kiến số lượng hợp đồng thuê mới tại các khu công nghiệp sẽ giảm 15 - 20%, cùng với đó là giá cho thuê sẽ giảm tương ứng từ 8 - 10% so với cùng kỳ.

Kỳ vọng tăng trưởng không còn như trước nhưng chúng ta cũng không nên quá bi quan

- Chính sách thuế quan của Mỹ ban đầu tỏ ra rất cứng rắn với tất cả các nước có thâm hụt thương mại lớn khi áp mức thuế rất cao. Tuy nhiên sau đó Tổng thống Trump đã hoãn áp thuế 90 ngày với tất cả các nước (trừ Trung Quốc) và tạm áp dụng mức thuế 10% để chờ đàm phán. Có thể thấy mức thuế quan cao chỉ là quân bài đàm phán của Trump nhằm thu được nhiều lợi ích hơn và nhiều khả năng Việt Nam sẽ không phải chịu mức thuế quan lên tới 46% khi tiến hành đàm phán. Với các mức thuế quan thấp hơn, mức độ ảnh hưởng tới các doanh nghiệp xuất khẩu sẽ ít hơn, từ đó giảm thiểu ảnh hưởng gián tiếp lên các doanh nghiệp trong ngành BĐS KCN.
- Ngày 11/4, Tổng thống Trump tiếp tục miễn thuế đối ứng đối với các sản phẩm điện thoại thông minh, máy tính, thiết bị công nghệ khác và linh kiện. Các ngành hàng này chiếm tới 27% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ, do vậy cũng sẽ làm giảm thiểu tác động của thuế quan đến ngành BĐS KCN, đặc biệt là các KCN tại khu vực phía Bắc nơi tập trung nhiều nhà máy của Samsung, Foxconn, LG...

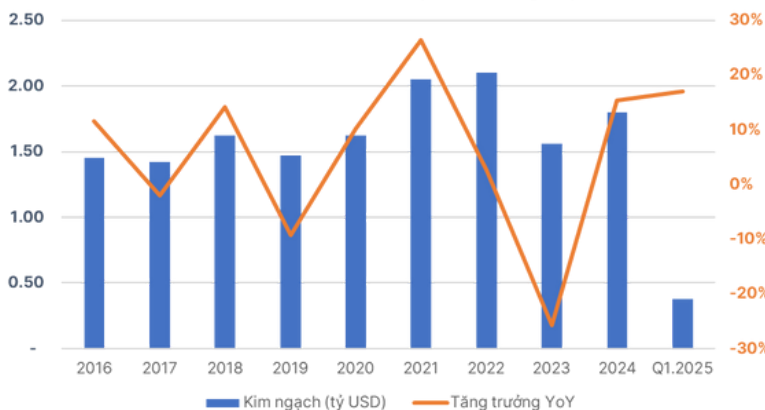
PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

A. XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM SANG MỸ:

1. Mỹ là thị trường truyền thống của thủy sản Việt Nam

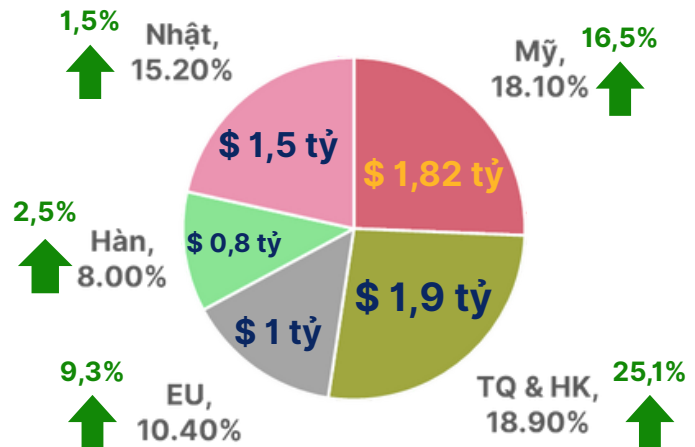
- Mặc dù các sản phẩm thủy sản Việt Nam thường xuyên gặp phải các rào cản kỹ thuật của Mỹ, đây là 1 trong 3 thị trường chiếm tỷ trọng khá ổn định của thủy sản Việt Nam (cùng với Nhật Bản, EU). Trong 10 năm gần đây, thị trường Mỹ chiếm trung bình 18,8% giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Năm 2024 đạt 1,8 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2023 và tiếp tục tăng 17% trong Quý 1 năm 2025 với 380 triệu USD.

Hình 25: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang Mỹ



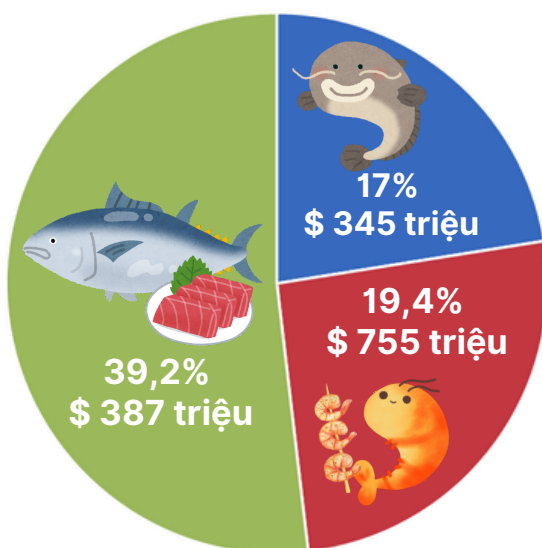
Nguồn: Vasep

Hình 26: Cơ cấu thị trường XKTS Việt Nam 2024

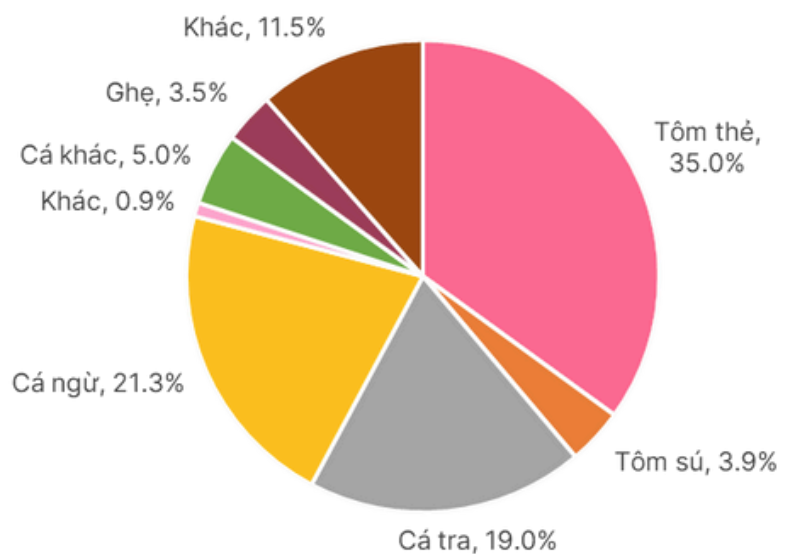


- Xét về cơ cấu mặt hàng, 70% các sản phẩm xuất khẩu sang Mỹ là thủy sản nuôi trồng (tôm, cá tra...) và 30% còn lại là hải sản khai thác (cá ngừ...). Mỹ hiện đang là thị trường số 1 của cá ngừ và số 2 đối với tôm và cá tra Việt Nam.

Hình 27: Tỷ trọng thị trường Mỹ trong kim ngạch XK một số mặt hàng thủy sản chủ chốt 2024



Hình 28: Cơ cấu mặt hàng thủy sản XK sang Mỹ 2024



Nguồn: Vasep

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

2. Tác động của thuế đối ứng tới ngành thủy sản

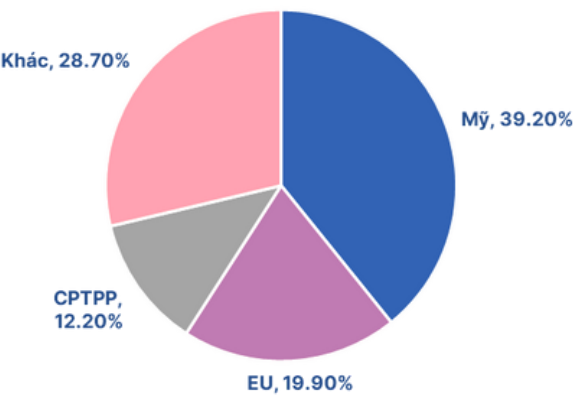
- Nếu chính sách thuế đối ứng 46% được duy trì sau thời hạn 90 ngày, tác động đối với ngành thủy sản Việt Nam là lớn tuy nhiên cá ngừ và tôm được đánh giá sẽ chịu thiệt hại lớn hơn so với cá tra:

Tỷ trọng của Mỹ trong cơ cấu thị trường xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam hiện tại là khá lớn (gần 40%) trong khi giá trị xuất khẩu sang EU - thị trường lớn thứ 2 của mặt hàng này đang có xu hướng giảm dần. Ngoài thuế, mới đây Mỹ không công nhận tương đồng về các biện pháp quản lý và bảo tồn thú biển của Việt Nam đối với 12 nghề khai thác hải sản, bao gồm: nghề lưới rê, lưới cuốn, lưới vây, câu, lưới kéo đơn/ đôi...theo đó sẽ ảnh hưởng tới cá ngừ.

Hình 29: Kim ngạch XK cá ngừ sang Mỹ (triệu USD)



Hình 30: Cơ cấu thị trường XK cá ngừ



Nguồn: Vasep

Tôm là mặt hàng có giá cao hơn so với cá tra và hiện đang phải chịu thêm mức thuế chống trợ cấp (CVD) bên cạnh thuế chống bán phá giá (AD). Trong khi đó theo kết quả đánh giá sơ bộ đợt rà soát lần thứ 20 (PR20) vào tháng 9/2024 với cá tra fillet, ngoài 8 doanh nghiệp được hưởng thuế 0% các doanh nghiệp Việt Nam khác chịu mức thuế 2,39USD/kg, thấp hơn nhiều so với thuế áp với tôm.

Bảng 5: Thuế với tôm XK sang Mỹ

	Thuế AD (toàn quốc)	Thuế CVD (toàn quốc)
Việt Nam	Up to 25,76%	2,84%
Ấn độ	Up to 110,9%	5,77%
Indonesia	3,9%	-
Thái Lan	Up to 5,34%	
Ecuador	-	3,78%
Trung Quốc	Up to 112,81%	-

Bảng 6: Thuế CBPG cá tra XK sang Mỹ

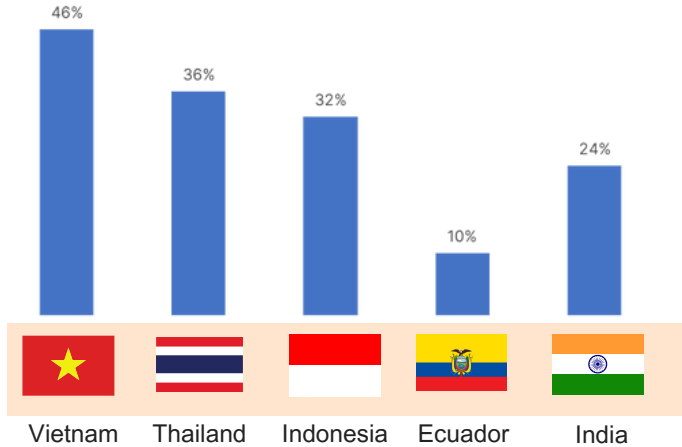
	Giai đoạn	All-nations
POR 15	8/2017 - 7/2018	2.39
POR 16	8/2018 - 7/2019	2.39
POR 17	8/2019 - 7/2020	2.39
POR 18	8/2020- 7/2021	2.39
POR 19	8/2021 - 7/2022	2.39
POR 20 (p)	8/2022-7/2023	2.39

Nguồn: SHS tổng hợp

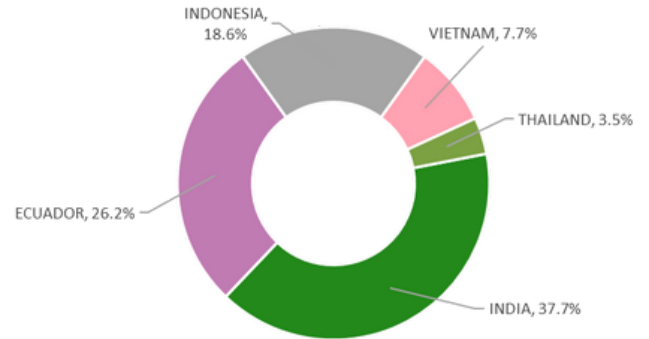
PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

Tôm Việt Nam hiện đang phải cạnh tranh với các quốc gia khác tại thị trường Mỹ, trong khi các quốc gia này đều có mức thuế đối ứng thấp hơn.

Hình 31: Thuế đối ứng



Hình 32: Thị phần Xuất khẩu tôm sang Mỹ

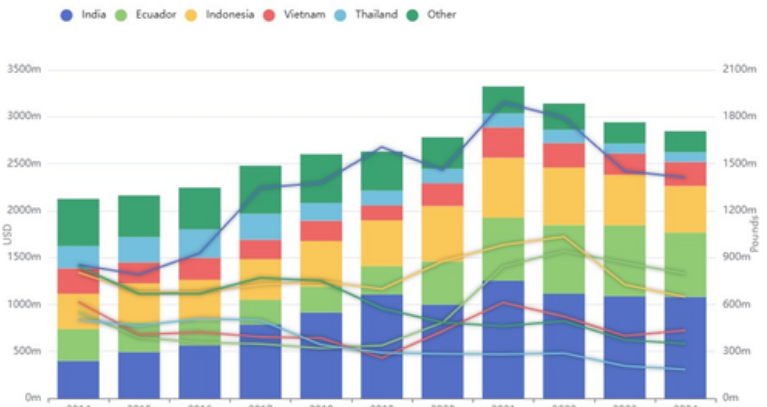


Hình 34: Thị phần xuất khẩu tôm sang Mỹ

Hình 33: Kim ngạch XK tôm sang Mỹ (triệu USD)



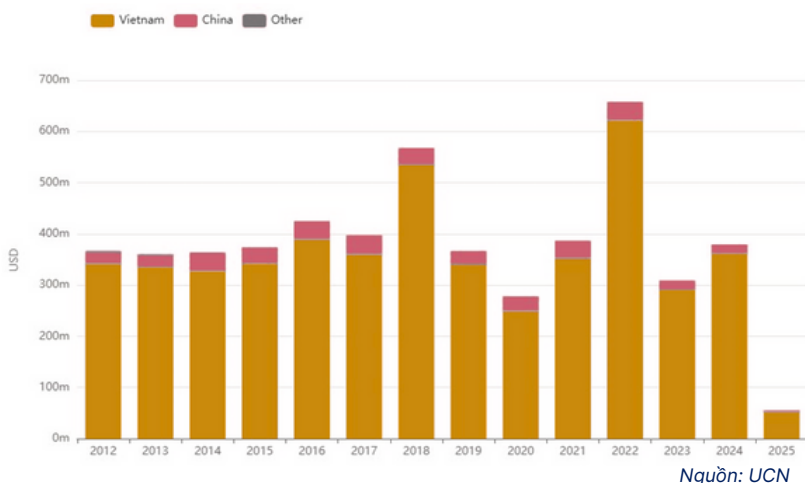
Nguồn: Vasep



Nguồn: UCN

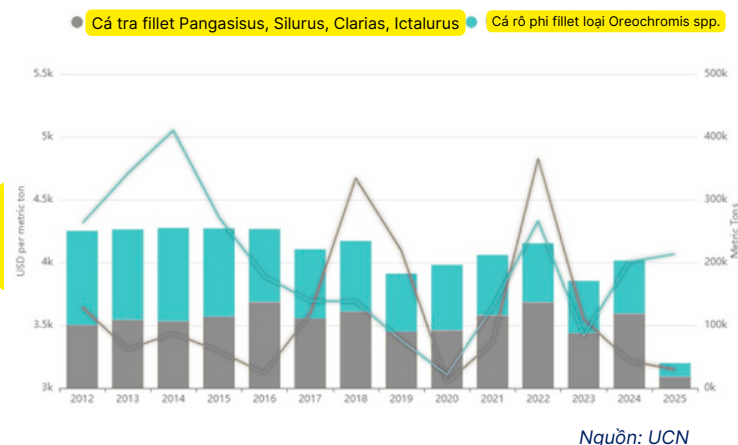
Hiện cá tra nhập khẩu vào Mỹ chủ yếu đến từ Việt Nam và Trung Quốc với tỷ trọng lần lượt 92,7% và 7,3% để phục vụ cho nhu cầu nội địa. Ngoài ra trong số các loài cá thịt trắng cạnh tranh với cá tra, 87% lượng cá rô phi filet đông lạnh được cung cấp bởi Trung Quốc và cá rô phi cũng có giá cao hơn so với giá tra. Việc Trung Quốc đang phải chịu thuế cao lên tới 145% có thể dẫn tới thiếu hụt nguồn cung cá rô phi và cá tra tại Mỹ qua đó làm giảm bớt phần nào áp lực đối với các sản phẩm cá tra của Việt Nam.

Hình 35: Giá trị nhập khẩu cá tra vào Mỹ (USD)



Nguồn: UCN

Hình 36: Nhập khẩu cá tra fillet và cá rô phi fillet vào Mỹ (USD)

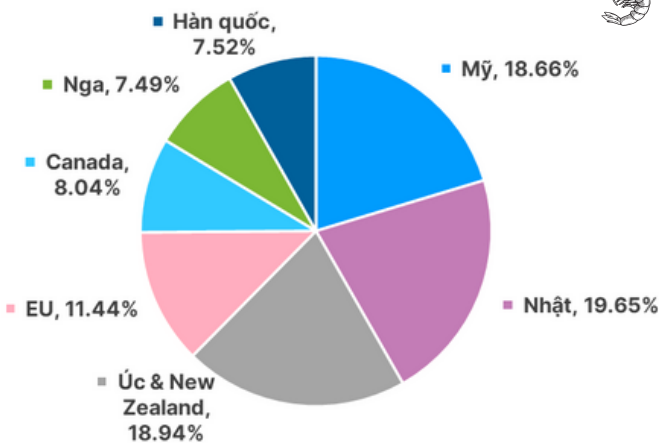


Nguồn: UCN

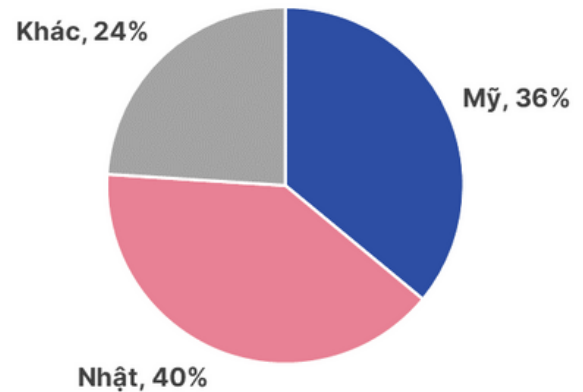
PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

- Tác động tới các doanh nghiệp niêm yết sẽ tùy thuộc vào từng chủng loại mặt hàng và cơ cấu thị trường xuất khẩu. Riêng đối với Vĩnh Hoàn (VHC), công ty đã được đưa ra khỏi phạm vi áp dụng thuế chống bán phá giá khi xuất khẩu cá tra, cá basa vào Mỹ sau khi 2 nước ký thỏa thuận trong vụ việc giải quyết tranh chấp về thuế chống bán phá giá cá tra, cá basa tại Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 1/2025 vừa qua. Một số các doanh nghiệp có dự án đang triển khai (nhà máy thủy sản Hoa Kỳ công suất 20.000 tấn/năm nhằm tới thị trường Mỹ của IDI) có thể sẽ phải giãn tiến độ hoặc tìm kiếm các thị trường khác thay thế.

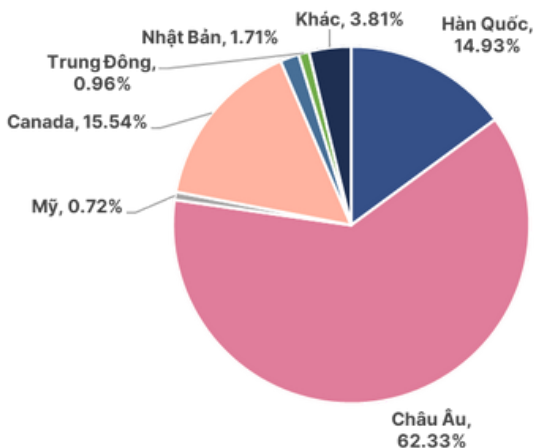
Hình 37: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của MPC



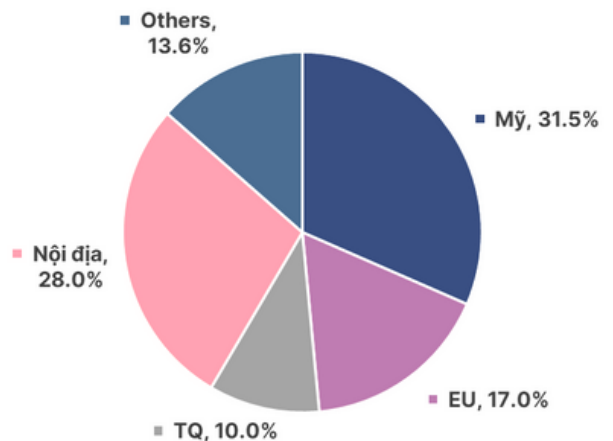
Hình 38: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của FMC



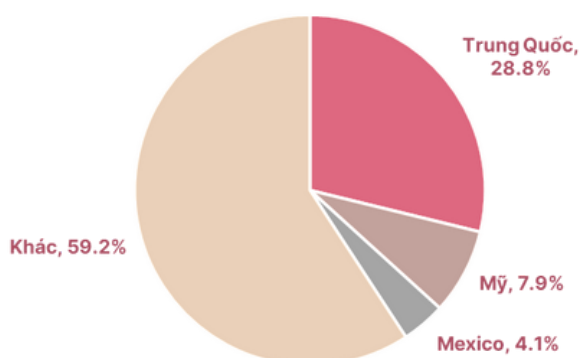
Hình 39: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của CMX



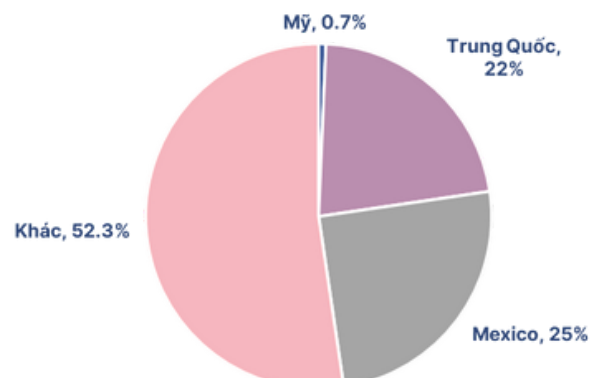
Hình 40: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của VHC



Hình 41: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của ANV



Hình 42: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của IDI



Nguồn: SHS tổng hợp

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

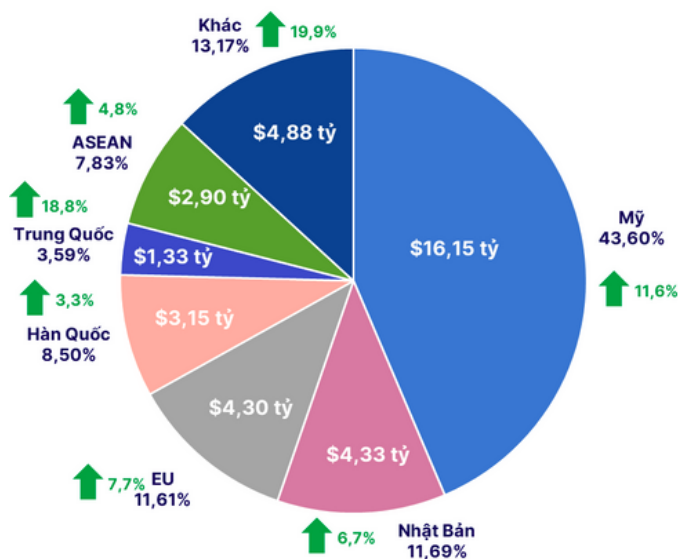
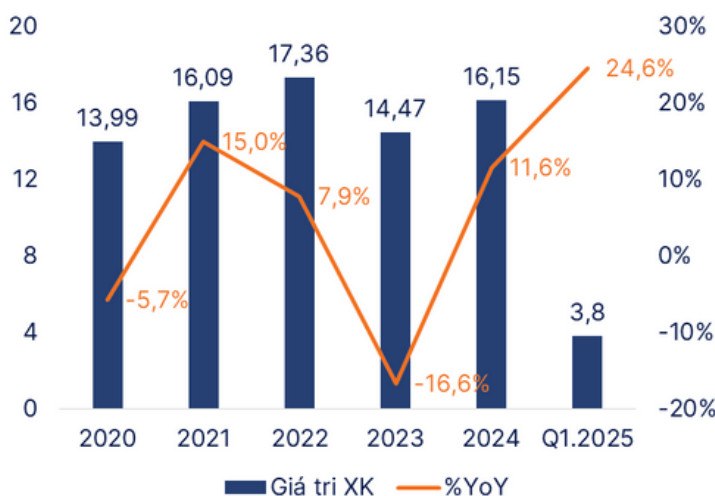
B. XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA VIỆT NAM SANG MỸ:

1. Mỹ là thị trường trọng tâm của ngành dệt may Việt Nam:

- Dệt may là một trong những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ chính sách thuế mới của Mỹ khi là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ ba sang quốc gia này (chiếm 16,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam). Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dệt may sang Mỹ đạt hơn 16 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2023. Kết thúc quý đầu tiên của năm 2025, Việt Nam đã gia tăng 24,6% trị giá xuất khẩu dệt may sang Mỹ so với cùng kỳ năm 2024, đạt 3,8 tỷ USD.

Hình 43: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Mỹ (Tỷ USD)

Hình 44: Cơ cấu thị trường XK dệt may Việt Nam 2024



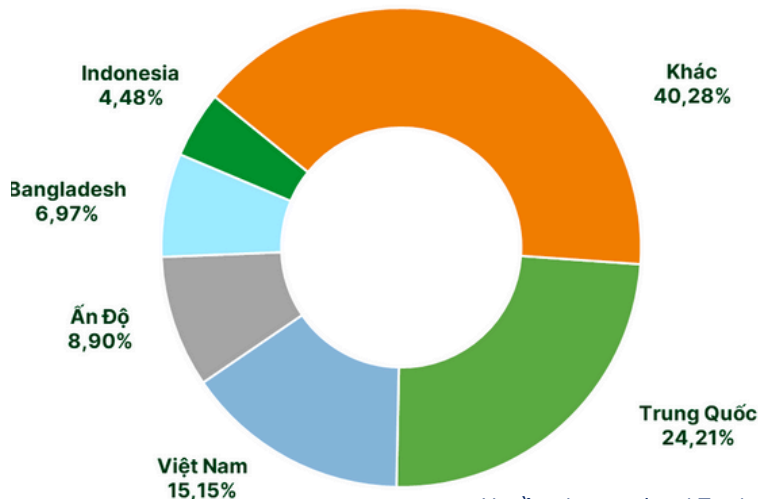
Nguồn: Tổng cục hải quan, SHS tổng hợp

- Trong năm 2024, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất của Việt Nam, chiếm 43,6% tổng kim ngạch. Theo sau là các thị trường quan trọng khác gồm Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU), Hàn Quốc, Trung Quốc và khu vực ASEAN.

2. Đánh giá lợi thế cạnh tranh ngành hàng dệt may của các quốc gia tại thị trường Mỹ

- Theo dữ liệu từ Otexa, 5 nước đứng đầu xuất khẩu dệt may sang Mỹ bao gồm Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Bangladesh và Indonesia, trong đó giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang quốc gia này luôn duy trì tỷ trọng là 15%, thị phần lớn đứng thứ 2 chỉ xếp sau Trung Quốc. Hiện khoảng 18% tổng số nhà máy sản xuất hàng thể thao và may mặc của các nhà cung cấp chính cho các công ty thời trang lớn của Mỹ đang được đặt tại Việt Nam.

Hình 45: Thị phần xuất khẩu dệt may sang Mỹ 2024



Nguồn: International Trade Administration (ITA), SHS tổng hợp

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

- Theo khảo sát của Hiệp hội ngành thời trang Hoa Kỳ (USFIA), các nhà cung cấp tại Mỹ cho biết Mỹ đang có xu hướng chuyển đổi nhà cung cấp khỏi Trung Quốc. Vì vậy, trong dài hạn, ngành dệt may Việt Nam được kỳ vọng sẽ chiếm dần thị phần từ Trung Quốc tại thị trường Mỹ. Hiện nay, Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh về tốc độ cung cấp hàng hóa ra thị trường cũng như ít rủi ro về môi trường hơn so với ba nước còn lại thuộc top 5 bao gồm Bangladesh, Indonesia và Ấn Độ. Với các tiêu chí còn lại, cả 4 nước đều được đánh giá ở mức trung bình không có nhiều chênh lệch. Nhìn chung, Việt Nam có số điểm trung bình ở cả 8 tiêu chí và là quốc gia duy nhất ở Châu Á không có tiêu chí nào bị đánh giá thấp.

Bảng 7: Đánh giá lợi thế cạnh tranh ngành hàng dệt may của các quốc gia tại thị trường Mỹ

Quốc gia	Tốc độ giao hàng	Chi phí sử dụng nhà cung cấp	Năng lực sản xuất đa dạng và nhanh chóng	Số lượng đặt hàng tối thiểu (MOQ)	Mức độ kiểm soát trong chuỗi cung ứng	Rủi ro tuân thủ lao động và xã hội	Rủi ro tuân thủ môi trường	Rủi ro địa chính trị	Điểm 2024 chưa theo tỷ trọng	Điểm 2024 theo tỷ trọng
Mỹ	4,0	1,5	3,0	4,0	2,5	4,0	4,0	4,0	27,0	3,4
Mexico	4,0	3,0	3,5	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	25,5	3,2
CAFTA-DR (*)	4,0	3,5	3,0	3,5	3,5	3,0	3,0	3,5	27,0	3,4
Colombia	3,5	3,0	3,0	3,5	3,5	3,0	3,0	3,5	26,0	3,3
Trung Quốc	3,5	4,0	4,0	3,5	4,5	2,0	2,0	1,5	25,0	3,1
Việt Nam	3,0	3,5	3,5	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0	25,0	3,1
Bangladesh	2,0	4,0	3,0	2,5	3,0	2,5	2,5	3,0	22,5	2,8
Indonesia	2,5	3,5	3,5	3,0	2,5	3,0	2,5	3,5	24,0	3,0
Ấn Độ	2,5	3,5	3,5	3,0	4,0	2,5	2,5	3,5	25,0	3,1
Sri Lanka	2,0	3,5	3,5	3,0	2,5	3,0	3,0	3,5	24,0	3,0
Campuchia	2,5	3,5	3,0	2,5	2,5	2,5	2,5	3,0	22,0	2,8
EU	3,5	2,0	3,0	3,5	3,0	4,0	4,0	4,0	27,0	3,4
Thổ Nhĩ Kỳ	3,0	3,0	3,5	3,0	4,0	3,0	3,0	3,0	25,5	3,2
AGOA (**)	1,5	4,0	2,5	2,5	1,5	3,0	2,5	3,0	20,5	2,6
Ài Cập	3,0	4,0	3,0	2,5	3,0	3,0	3,0	3,0	24,5	3,1

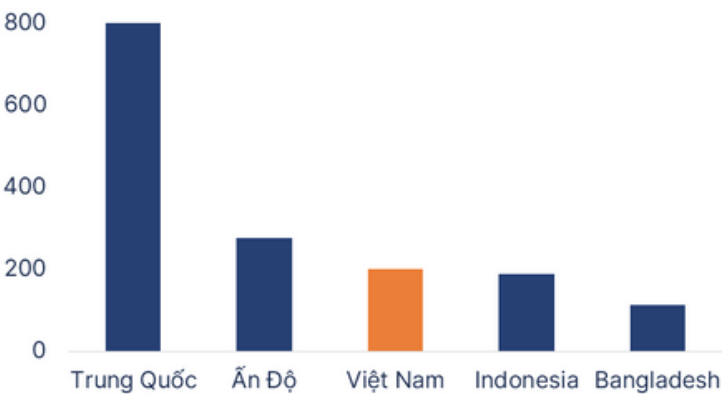
(*) CAFTA-DR: Hiệp định Thương mại Tự do giữa Hoa Kỳ, Trung Mỹ và Cộng hòa Dominica

(**) AGOA: Đạo luật Tăng trưởng và Cơ hội châu Phi

Nguồn: USFIA, SHS tổng hợp

- Bên cạnh đó, về chi phí nhân công, Việt Nam ở mức trung bình với khoảng 192 USD/tháng – cao hơn Indonesia (~188 USD) và Bangladesh (~113 USD), nhưng vẫn thấp hơn Trung Quốc (~800 USD) và Ấn Độ (~300 USD), giúp duy trì lợi thế cạnh tranh về giá trong khi vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt.

Hình 46: Chi phí nhân công ngành may mặc của một số quốc gia trong khu vực



(*) Dữ liệu của Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam được ghi nhận vào năm 2022;
Dữ liệu của Indonesia, Bangladesh được ghi nhận vào năm 2023

Nguồn: Investmentmonitor, Take-profit, SHS tổng hợp.

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

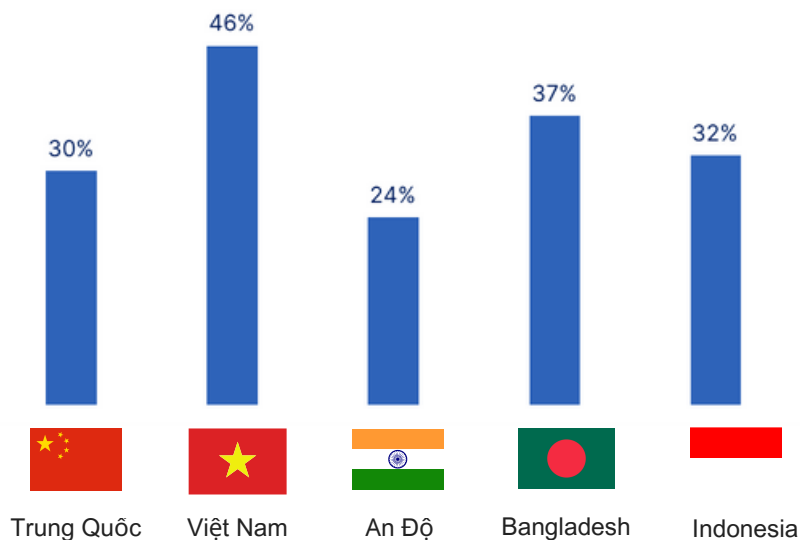
3. Tác động của thuế đối ứng với ngành Dệt may

Việc áp dụng mức thuế quan mới sẽ gây ra ba tác động chính đối với ngành dệt may Việt Nam: làm suy giảm năng lực cạnh tranh tại thị trường Mỹ, thu hẹp biên lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu, đồng thời gia tăng áp lực lên chuỗi cung ứng và việc làm — từ đó tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và làm giảm chất lượng đời sống của người lao động.

✓ Giảm năng lực cạnh tranh tại thị trường Mỹ

- Sau khi Mỹ - Trung đạt thỏa thuận đàm phán và giảm thuế đối ứng vào ngày 12/05/2025, hiện trong 5 nước xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Mỹ nhiều nhất, Việt Nam đang là quốc gia chịu mức thuế đối ứng cao nhất. Cụ thể, trung bình ngành dệt may Việt Nam đang chịu mức thuế cao hơn khoảng 10-20% so với các đối thủ chính còn lại. Qua đó, ngành dệt may Việt Nam có thể đối mặt với nguy cơ mất lợi thế cạnh tranh và doanh nghiệp dệt may trong nước sẽ gặp khó khăn lớn trong việc duy trì thị phần tại Mỹ.

Hình 47: Thuế đối ứng áp dụng cho các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn sang Mỹ



Nguồn: SHS tổng hợp

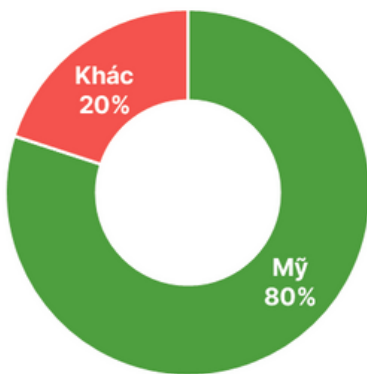
- Theo viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), nếu thuế tăng 15%, kim ngạch xuất khẩu dệt may sang Mỹ có thể giảm mạnh xuống mức chỉ còn 3 tỷ USD trong năm 2025, giảm đi hơn 5 lần so với mức 16 tỷ USD của năm 2024. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) như Nike, Adidas và Uniqlo có khả năng sẽ dịch chuyển hoạt động sản xuất sang các quốc gia như Bangladesh hoặc Ấn Độ — nơi có chi phí thấp hơn và không chịu mức thuế cao tương tự.

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

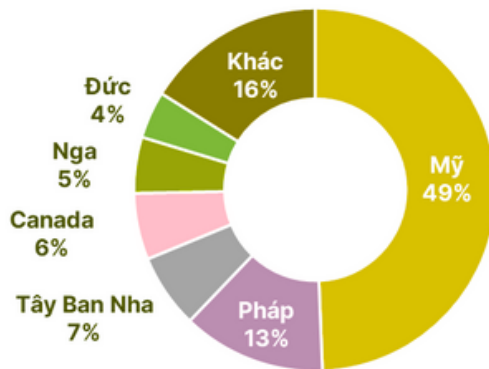
✓ Thu hẹp biên lợi nhuận của doanh nghiệp xuất khẩu

- Ngành dệt may Việt Nam hiện đang phụ thuộc đáng kể vào thị trường Hoa Kỳ, với nhiều doanh nghiệp lớn xác định đây là thị trường xuất khẩu chủ lực. Một số doanh nghiệp dệt may hiện có tỷ trọng xuất khẩu lớn sang Mỹ bao gồm Công ty CP May Sông Hồng (80%), Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG (49%), hay Công ty CP Dệt May Thành Công (19%). Theo Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), nếu không có biện pháp ứng phó kịp thời, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ trong năm 2025 có thể giảm từ 20–30%, gây thiệt hại từ 5–7 tỷ USD. Tác động này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu ngành, mà còn kéo theo hiệu ứng dây chuyền đối với các khâu khác trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

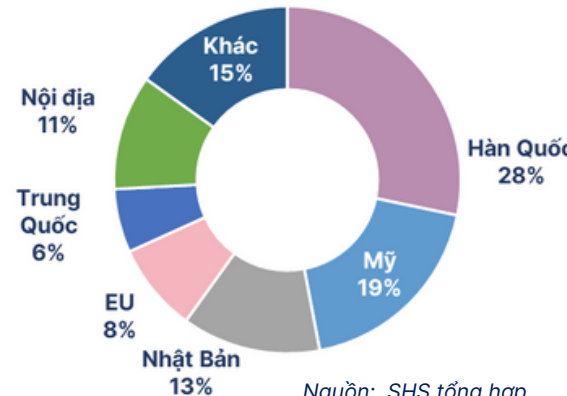
Hình 48: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của MSH



Hình 49: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của TNG



Hình 50: Cơ cấu thị trường Xuất khẩu của TCM



Nguồn: SHS tổng hợp

- Với biên lợi nhuận trung bình chỉ dao động trong khoảng 5–8%, nếu thuế quan gia tăng, nhiều doanh nghiệp dệt may có thể rơi vào tình trạng thua lỗ. Đặc biệt, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do hạn chế về năng lực tài chính và không đủ nguồn vốn để hấp thụ chi phí gia tăng.
- Không chỉ đối diện với mức thuế cao, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam còn đứng trước rủi ro khách hàng Mỹ hủy đơn hàng hoặc yêu cầu giảm giá khi hầu hết các hợp đồng xuất khẩu của Việt Nam với các nhà mua hàng Mỹ đều theo điều khoản CIF (Cost, Insurance and Freight), nghĩa là doanh nghiệp bán chịu trách nhiệm vận chuyển và chi phí cho đến khi hàng hóa đến cảng đích. Điều này tạo ra rủi ro lớn về dòng tiền cho doanh nghiệp xuất khẩu.

✓ Gia tăng áp lực lên chuỗi cung ứng và việc làm

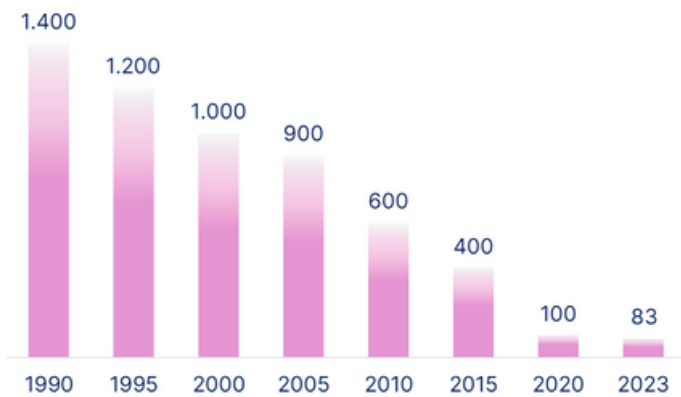
- Theo Tổng LĐLĐ Việt Nam cho biết Việt Nam có khoảng 7.000 doanh nghiệp dệt may với khoảng 3,4 triệu lao động, chiếm gần 20% lực lượng lao động toàn ngành công nghiệp và xây dựng. Tuy nhiên, khi đơn hàng sụt giảm, nhiều doanh nghiệp buộc phải thu hẹp sản xuất, thậm chí đóng cửa một số nhà máy. Nếu tình trạng này tiếp diễn, hàng trăm nghìn lao động có nguy cơ mất việc làm, kéo theo những hệ lụy nghiêm trọng về mặt xã hội.

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

4. Kỳ vọng tích cực trong đàm phán lại mức thuế với ngành dệt may

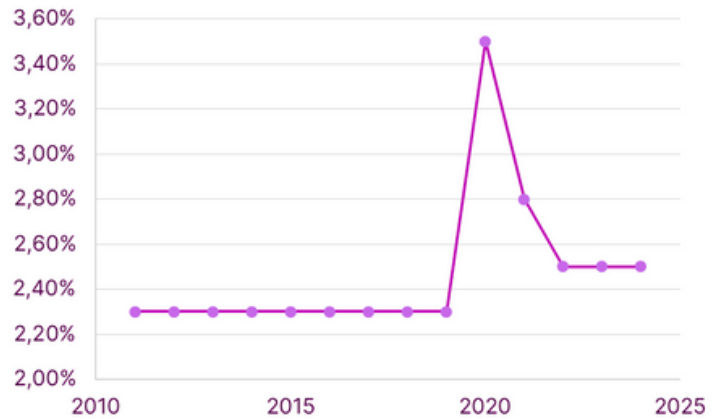
- Nhìn chung, các doanh nghiệp nội địa trong ngành dệt may sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tìm kiếm giải pháp thay thế khi Mỹ vẫn đang thị trường đối tác nhập khẩu dệt may chủ lực của nước ta. Tuy nhiên với góc nhìn lạc quan, khả năng đàm phán thành công lại mức thuế áp dụng thuế đối với ngành dệt may là rất cao vì việc đánh thuế quan cao thường để bảo vệ ngành sản xuất trong nước, nhưng Mỹ hầu như không may quần áo.

Hình 51: Số lượng lao động trong ngành sản xuất may mặc của Mỹ (Nghìn người)



Nguồn: Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ (BLS), SHS tổng hợp

Hình 52: Tỷ lệ hàng may mặc sản xuất trong nước tại Mỹ



Nguồn: AAFA, SHS tổng hợp

- Hiện chỉ khoảng 2,5% quần áo bán tại Mỹ được sản xuất trong nước; phần lớn còn lại được nhập khẩu từ các quốc gia khác. Dữ liệu từ Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ (BLS) cho thấy ngành dệt may Mỹ đã mất hơn 1,3 triệu việc làm kể từ năm 1990, giảm từ hơn 1,4 triệu xuống dưới 100.000 lao động như hiện nay. Trong khi ở Việt Nam, con số này là khoảng 3 triệu lao động. Do vậy, chỉ với 100.000 lao động, Hoa Kỳ không thể bù đắp được phần suy giảm nhập khẩu từ các quốc gia khác.
- Cùng với việc thiếu lao động lành nghề và sẵn sàng làm việc, Mỹ không có nguồn cung nguyên liệu sản xuất trong nước. Theo một văn bản từ Hiệp hội Phân phối và Bán lẻ Giày dép Mỹ gửi đến Đại diện Thương mại của Tổng thống Donald Trump, khoảng 70 loại nguyên vật liệu cần thiết để làm ra một đôi giày phổ thông tại Mỹ đều phải nhập khẩu do không sẵn có trong nước. Cuối cùng, việc áp thuế cao chủ yếu lại gây thiệt hại cho người tiêu dùng và các nhà bán lẻ Mỹ.

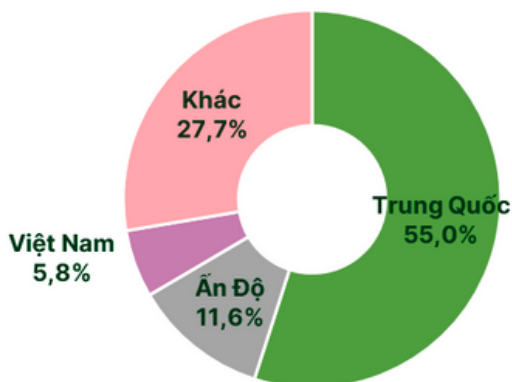
PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

C. XUẤT KHẨU GIÀY DÉP CỦA VIỆT NAM SANG MỸ:

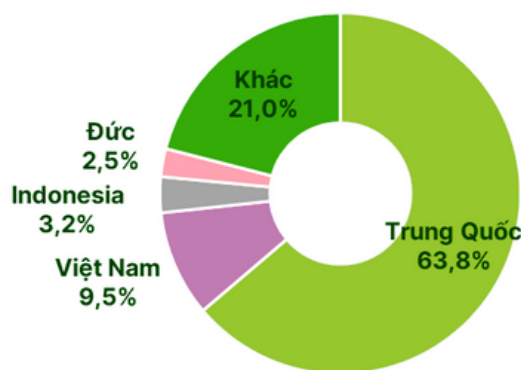
1. Việt Nam đóng vai trò mắt xích trong ngành giày dép toàn cầu

- VCCI cho biết hiện Việt Nam nhà sản xuất giày dép lớn thứ ba thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ, đồng thời là nhà xuất khẩu lớn thứ hai toàn cầu với lượng xuất khẩu ước tính chiếm 10% của thế giới, có mặt ở 150 thị trường.

Hình 53: Thị phần sản xuất giày dép trên thế giới năm 2023



Hình 54: Thị phần xuất khẩu giày dép trên thế giới năm 2023



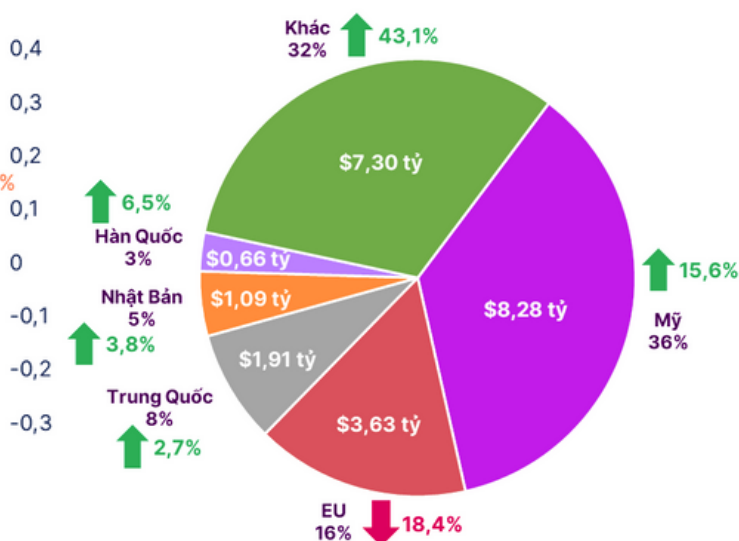
Nguồn: World Footwear Yearbook 2024, SHS tổng hợp

- Theo dữ liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu da giày của Việt Nam đạt 22,9 tỷ USD trong năm 2024, tăng 13% so với năm trước. Lũy kế 3 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu của ngành đã tăng 15,2% so với cùng kỳ, đạt 1,97 tỷ USD. Đáng chú ý, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 36,2% tổng lượng xuất khẩu giày dép trong năm 2024, tương đương khoảng 8,28 tỷ USD.

Hình 55: Kim ngạch xuất khẩu giày dép VN sang Mỹ (Tỷ USD)



Hình 56: Cơ cấu xuất khẩu giày dép của Việt Nam 2024



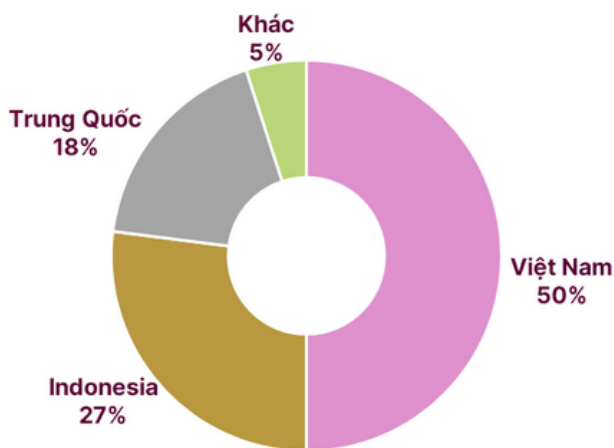
Nguồn: Tổng cục hải quan, SHS tổng hợp

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

2. Sản xuất của ngành giày dép Mỹ gắn liền với Việt Nam

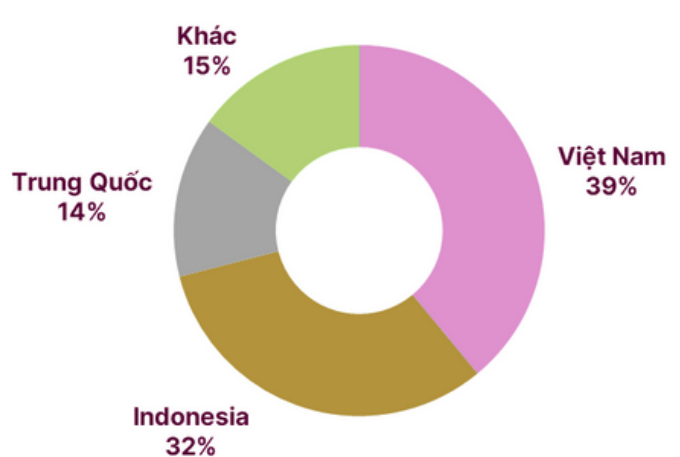
- Theo một thống kê của tờ báo Spotico, 11 công ty thời trang lớn của Mỹ như Fanatics, Under Armour, Adidas, New Balance, New Era Cap, Nike, Puma, Lululemon, Amer Sports, Asics và Dick's Sporting Goods... - đã tổ chức sản xuất tại 2.508 nhà máy trên toàn thế giới. Trong đó, 80% nhà máy đặt tại Đông Á hoặc Nam Á, nơi mức thuế quan đối ứng ban đầu của Mỹ là cao nhất. Cụ thể, các nhà máy đặt tại Trung Quốc (35%), Việt Nam (18%), Indonesia (6%), Campuchia (4%) và Đài Loan (3%).
- Nhóm thương mại Footwear Distributors and Retailers of America (FDRA) cho biết, khoảng 70% lượng giày thể thao tiêu thụ tại Mỹ được sản xuất tại Việt Nam, Trung Quốc và Indonesia – trong đó Việt Nam chiếm một tỷ trọng đáng kể nhờ lợi thế về tay nghề, chi phí nhân công và môi trường đầu tư tương đối ổn định. Đáng chú ý phải kể đến các thương hiệu lớn đang có tỷ lệ sản xuất cao ở Việt Nam như Nike (50%), Adidas (39%), Brooks Running (85%), Skechers (29%),..

Hình 57: Tỷ lệ sản xuất giày dép của Nike



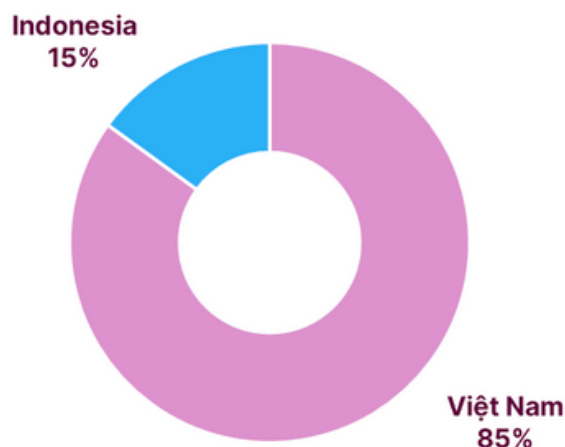
Nguồn: Nike Annual Report 2024

Hình 58: Tỷ lệ sản xuất giày dép của Adidas



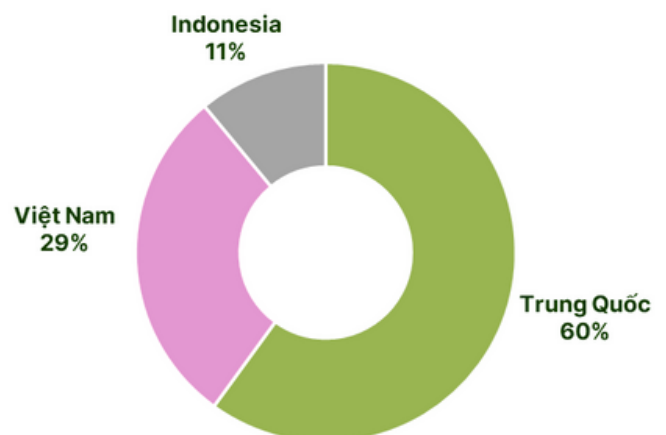
Nguồn: Adidas Annual Report 2024

Hình 59: Tỷ lệ sản xuất giày dép của Brooks Running



Nguồn: Reuters

Hình 60: Tỷ lệ sản xuất giày dép của Sketcher



Nguồn: DCFmodeling.com

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

3. Ngành giày dép Việt nam dưới tác động của thuế đối ứng mới từ Mỹ

- Có thể thấy Ngành giày dép Việt Nam và thị trường Mỹ phụ thuộc và gắn liền với nhau. Trong khi, Mỹ là thị trường tiêu thụ chủ yếu giày dép xuất khẩu của Việt Nam thì ngành sản xuất giày dép của Mỹ cũng rất khó để tìm 1 thị trường sản xuất thay thế mà có chính sách ổn định, năng lực gia công tốt và cam kết dài hạn với các thương hiệu như tại Việt Nam.
- Theo báo cáo của Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (LEFASO), do hoạt động theo mô hình hoạt động gia công cho các thương hiệu lớn là chính nên biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp da giày trong nước thường chỉ dao động từ 4–7%, thấp hơn đáng kể so với các khâu thiết kế và thương hiệu (20–40%). Các nhà máy tại Việt Nam vốn vận hành với biên lợi nhuận thấp, sẽ khó có khả năng chịu áp lực gia tăng thêm chi phí, trong khi các thương hiệu lớn cũng không thể dễ dàng dịch chuyển toàn bộ đơn hàng sang các nước khác vì chi phí đầu tư mới quá lớn.
- Các doanh nghiệp Mỹ có thể rơi vào thế khó trong việc tìm một thị trường thay thế, cụ thể nếu rút khỏi Việt Nam để tránh thuế, họ gần như không còn phương án thay thế nào khác với năng lực sản xuất tốt và chi phí nhân công thấp tương đương. Do vậy, các doanh nghiệp FDI hoạt động tại Việt Nam như Nike, Adidas... nhiều khả năng sẽ không rút đi ngay lập tức, nhưng sẽ buộc phải phân tán rủi ro bằng cách đa dạng hóa đơn hàng hoặc đàm phán lại với nhà cung cấp trong nước về chi phí.
- Hiện không có doanh nghiệp niêm yết liên quan đến sản xuất da giày, song các doanh nghiệp phát triển Bất động sản khu công nghiệp và logistics đường biển sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất.

4. Áp lực từ thuế đối ứng tới chính các doanh nghiệp giày dép Mỹ

- Ngày 29/04/2025, Hiệp hội Các nhà Phân phối và Bán lẻ Giày dép Mỹ (FDRA) đã đại diện cho 76 thương hiệu giày dép hàng đầu thế giới, trong đó có Nike, Adidas, Skechers và Under Armour, vừa gửi một lá thư gửi tới Tổng thống Mỹ Donald Trump, đề nghị miễn trừ giày dép khỏi chính sách thuế quan mới mà Washington đang áp dụng.
- Theo FDRA, ngành giày dép đang phải đối mặt với các mức thuế tổng hợp cao từ 150% đến 220% khi tính lũy kế cả thuế cũ và mới. Việc đánh thuế này sẽ không khiến sản xuất quay trở lại Mỹ như mong muốn của ông Trump. Thay vào đó, điều này có thể làm tăng giá thành, giảm sức tiêu thụ và đẩy hàng loạt doanh nghiệp nhỏ vào bờ vực phá sản. Hiệp hội này cũng cảnh báo nhiều đơn hàng đã bị hoãn lại. Kho giày dành cho người tiêu dùng Mỹ có thể sớm cạn kiệt.

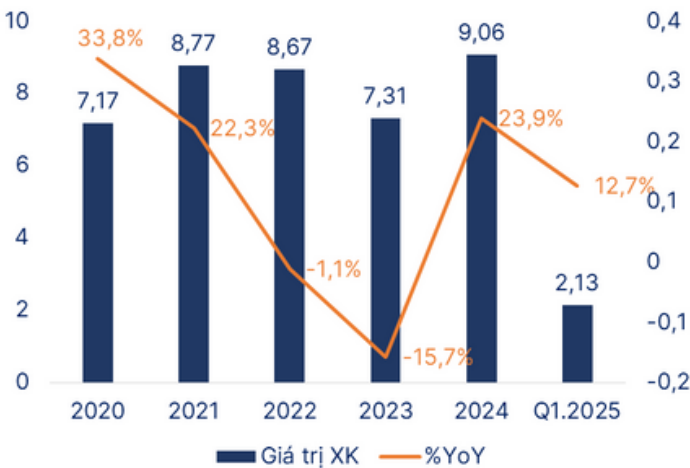
PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

D. XUẤT KHẨU GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ CỦA VIỆT NAM SANG MỸ:

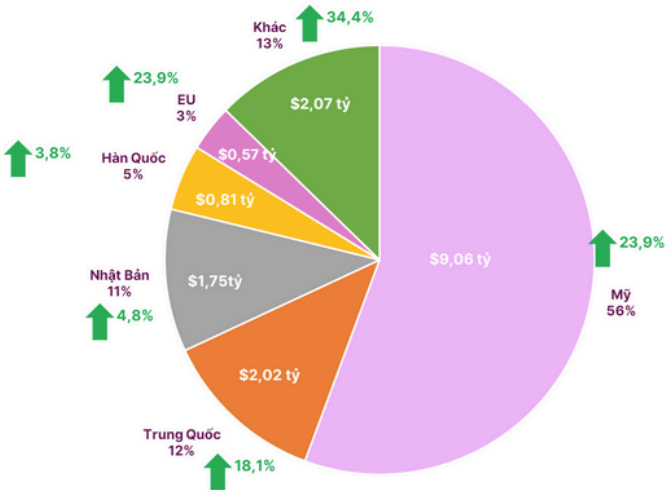
1. Mỹ là một trong những thị trường xuất khẩu trọng điểm của ngành gỗ Việt Nam

- Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang 170 quốc gia và vùng lãnh thổ, với năm thị trường lớn nhất chiếm gần 90% tổng giá trị xuất khẩu bao gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU. Trong đó, Việt Nam mới chỉ xuất khẩu được sang thị trường Nhật Bản dăm gỗ, viên nén gỗ; Hàn Quốc là viên nén gỗ; Trung Quốc là dăm gỗ; còn thị trường Mỹ vừa là thị trường lớn nhất, nhóm đồ nội thất đồng thời cũng là nhóm hàng có sự gia tăng cao nhất.
- Theo dữ liệu của Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm của gỗ sang Mỹ năm 2024 đạt 9,06 tỷ USD, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 55,7% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Trong 3 tháng đầu năm 2025 ước đạt 2,13 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2024.
- Các mặt hàng chính Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ là các hàng đồ gỗ (nội, ngoại thất), chiếm 89,9% tổng kim ngạch, gần 10,1% còn lại là gỗ và sản phẩm nguyên liệu khác.

Hình 61: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và các SP gỗ VN sang Mỹ (Tỷ USD)



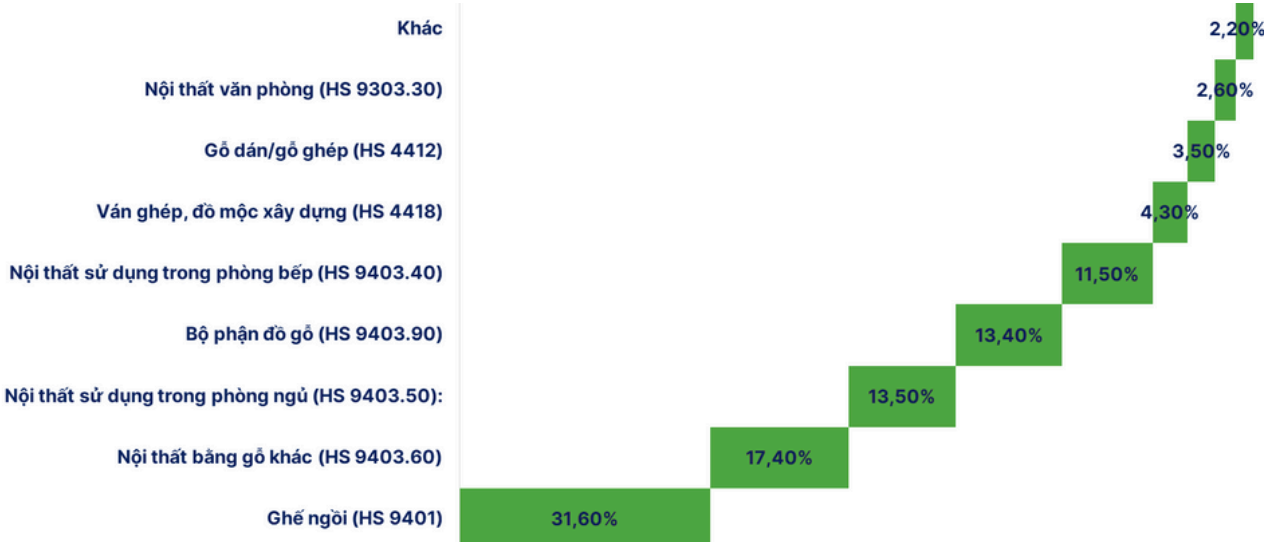
Hình 62: Cơ cấu thị trường XK SP gỗ của Việt Nam 2024



Nguồn: Tổng cục hải quan, SHS tổng hợp

- Các mặt hàng chính Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ là các hàng đồ gỗ (nội, ngoại thất), chiếm 89,9% tổng kim ngạch, gần 10,1% còn lại là gỗ và sản phẩm nguyên liệu khác.

Hình 63: Cơ cấu các sản phẩm gỗ Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ 2024



Nguồn: VIFOREST, SHS tổng hợp

PHẦN II: CÁC NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

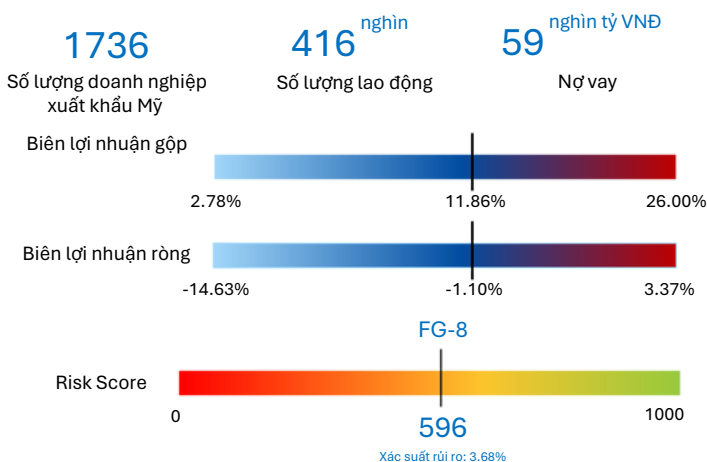
2. Ngành gỗ Việt Nam có chịu thuế đối ứng mới từ Mỹ ?

- Theo công bố, trong các loại hàng hóa thuộc diện miễn áp dụng thuế đối ứng có: 1/Các sản phẩm thuộc Phụ lục II bao gồm đồng, dược phẩm, đồ gỗ, gỗ xẻ, chất bán dẫn, một số khoáng sản quan trọng, năng lượng và sản phẩm năng lượng không có sẵn tại Mỹ và 2/Tất cả các mặt hàng có thể phải chịu thuế theo mục 232 trong tương lai.
- Trước đó vào ngày 01/03/2025, Tổng thống Trump đã yêu cầu Bộ Thương mại (DOC) khởi động cuộc điều tra với gỗ và sản phẩm gỗ, theo mục 232 của Đạo luật Mở rộng thương mại năm 1962. Các sản phẩm sẽ bị điều tra theo mục 232 bao gồm các sản phẩm gỗ thuộc mã HS 94 (đồ gỗ) và từ mã HS 4414 đến 4421. Dự kiến báo cáo điều tra sẽ được trình lên Tổng thống trong vòng 270 ngày. Như vậy nếu chiếu theo quy định này thì các mặt hàng gỗ nói trên (chiếm tới 85% - 90% giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Mỹ) thuộc mục (2) và sẽ chưa phải chịu thuế đối ứng ngay lập tức sau thời hạn 90 ngày mà sẽ phải chờ kết quả điều tra của DOC. Tuy nhiên các thông tin hướng dẫn chi tiết đối với vấn đề này hiện chưa rõ ràng.
- Trong khi đó các sản phẩm gỗ còn lại bao gồm gỗ dạng tấm và các sản phẩm thuộc mã HS 4401-4413 vẫn bị áp thuế 46%. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có thông báo về liệu doanh nghiệp xuất khẩu gỗ Việt Nam sẽ chịu hai mức thuế cộng dồn hay chỉ chịu mức thuế cho từng mặt hàng riêng biệt.

3. Tác động của thuế đối ứng với ngành Gỗ

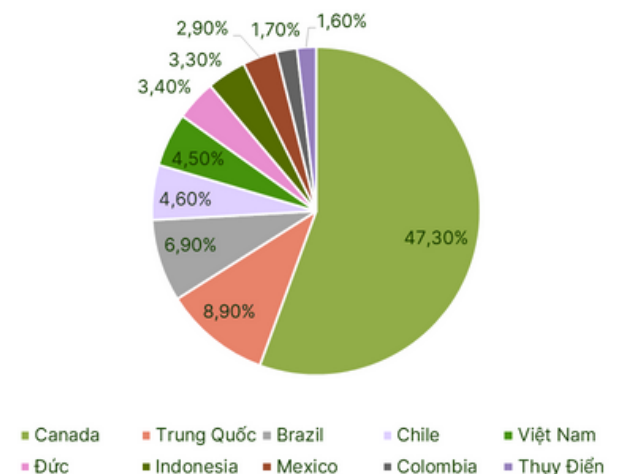
- Nhờ lợi thế về giá thành rẻ – với 70% nguyên liệu được cung ứng trong nước – Việt Nam là 1 trong các quốc gia xuất khẩu gỗ lớn sang Mỹ. Bên cạnh đó, trước đây, sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ được hưởng mức thuế 0%, tạo nên lợi thế cạnh tranh về giá so với các đối thủ ở nước ngoài. Trong khi đó, Việt Nam áp thuế cho sản phẩm nội thất từ Hoa Kỳ là 25%. Vì vậy, nếu bị áp thuế đối ứng lên tới 46%, chi phí sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sẽ tăng thêm khoảng 4,14 tỷ USD mỗi năm, giá bán sản phẩm gỗ sẽ tăng mạnh, mất đi lợi thế cạnh tranh và gần như ngang giá với hàng hóa từ Trung Quốc, đối thủ lớn nhất của Việt Nam trong khu vực, chưa kể tới các quốc gia khác như Canada (chiếm 47,3% kim ngạch nhập khẩu gỗ của Mỹ) hay Indonesia (3,3%) sẽ có cơ hội gia tăng thị phần nhờ lợi thế về giá khi chỉ chịu mức thuế từ 25% đến 32%.

Hình 64: Đánh giá các DN ngành gỗ



Nguồn: Fiigroup

Hình 65: Cơ cấu các thị trường XK sản phẩm gỗ sang Mỹ 2024



Nguồn: Global Wood, SHS tổng hợp

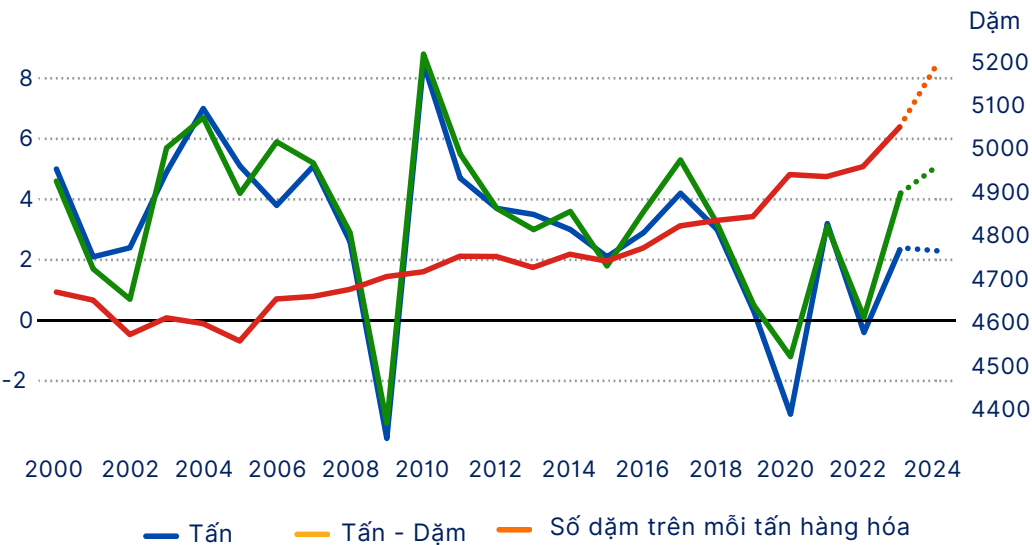
PHẦN III: NGÀNH CẢNG BIỂN

Chính sách thuế đối ứng của Mỹ, được công bố vào tháng 4/2025 và có hiệu lực từ ngày 9/4/2025, dự kiến sẽ tác động đáng kể đến các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam do sự phụ thuộc lớn vào xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

1. Thay đổi lưu lượng hàng hóa thông quan toàn cầu

- Theo UNCTAD, lưu lượng hàng hóa thông quan cầu tăng trưởng kép 2,5% trong giai đoạn 2025 - 2029. Nếu thuế đối ứng 10% áp dụng cho tất cả quốc gia, lưu lượng hàng hóa sẽ tăng trưởng chậm hơn, khoảng 1%. Nếu thuế đối ứng không thay đổi sau khi đàm phán, lưu lượng hàng hóa sẽ tăng trưởng âm, khoảng -2%.
- Châu Á chiếm thị phần khoảng 68% container thông qua toàn cầu. Mức thuế 10% không làm thay đổi chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, nếu mức thuế đối ứng cao hơn được áp dụng thì sẽ ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng toàn cầu (Các nhà sản xuất có thể rời bỏ Việt Nam sang các quốc gia khác trong khu vực như Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia,...).

Hình 66: Tăng trưởng thương mại hàng hải được thúc đẩy trong năm 2023 và 2024 - nhờ sự chuyển dịch sang các tuyến vận tải biển dài hơn
(Tỷ lệ thay đổi theo năm, tính bằng phần trăm)



Nguồn: UNCTAD

Bảng 67: Dự báo cho thương mại hàng hải quốc tế
(Thay đổi theo phần trăm hàng năm)

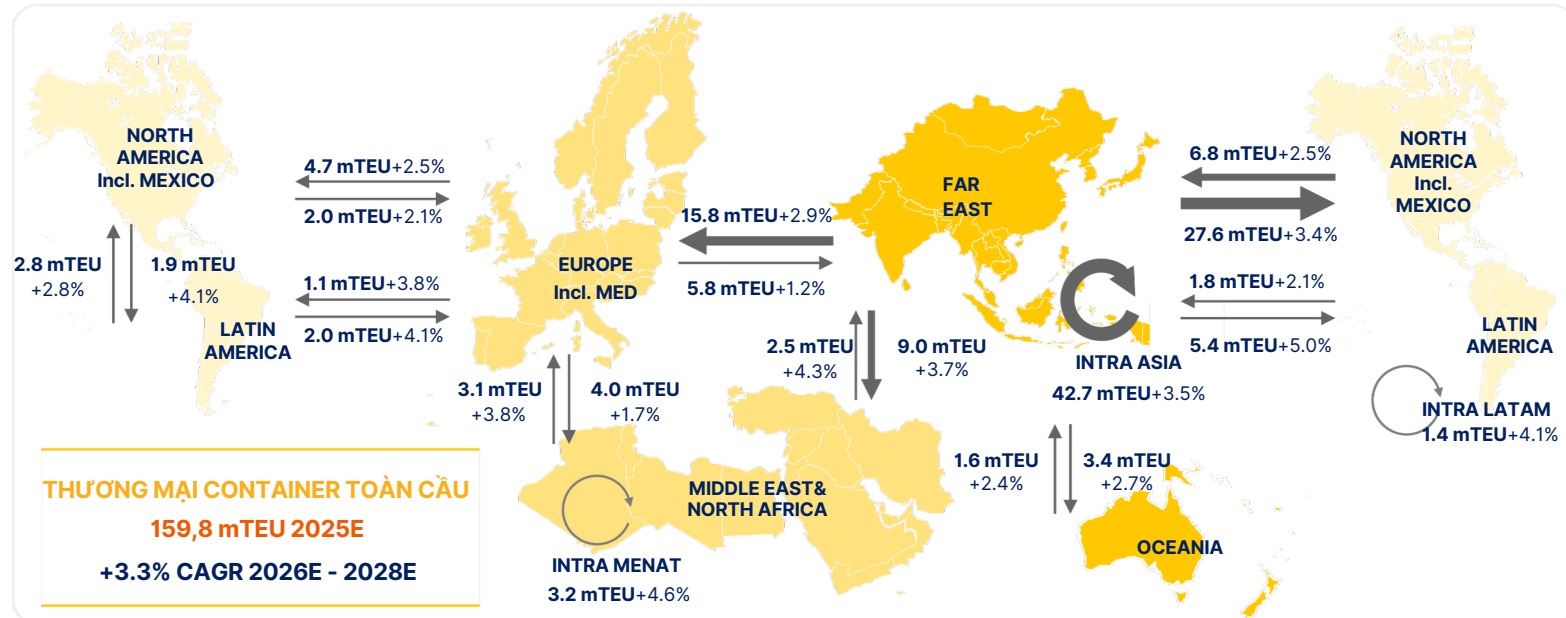
Năm	Thương mại đường biển tính theo tấn	Thương mại container tính theo TEUs
2024	2,0	3,5
2025	2,5	2,9
2026	2,5	2,9
2027	2,4	2,6
2028	2,3	2,5
2029	2,3	2,5

Nguồn: UNCTAD

PHẦN III: NGÀNH CẢNG BIỂN

- Lượng hàng vận chuyển trong nội bộ Châu Á (42,7 triệu TEU), lớn hơn đáng kể so với lượng hàng đi từ Châu Á đến Bắc Mỹ (27,6 triệu TEU) - gấp khoảng 1,55 lần.

Hình 68: Nhu cầu hàng hóa thế giới tầm nhìn 2025 -2028



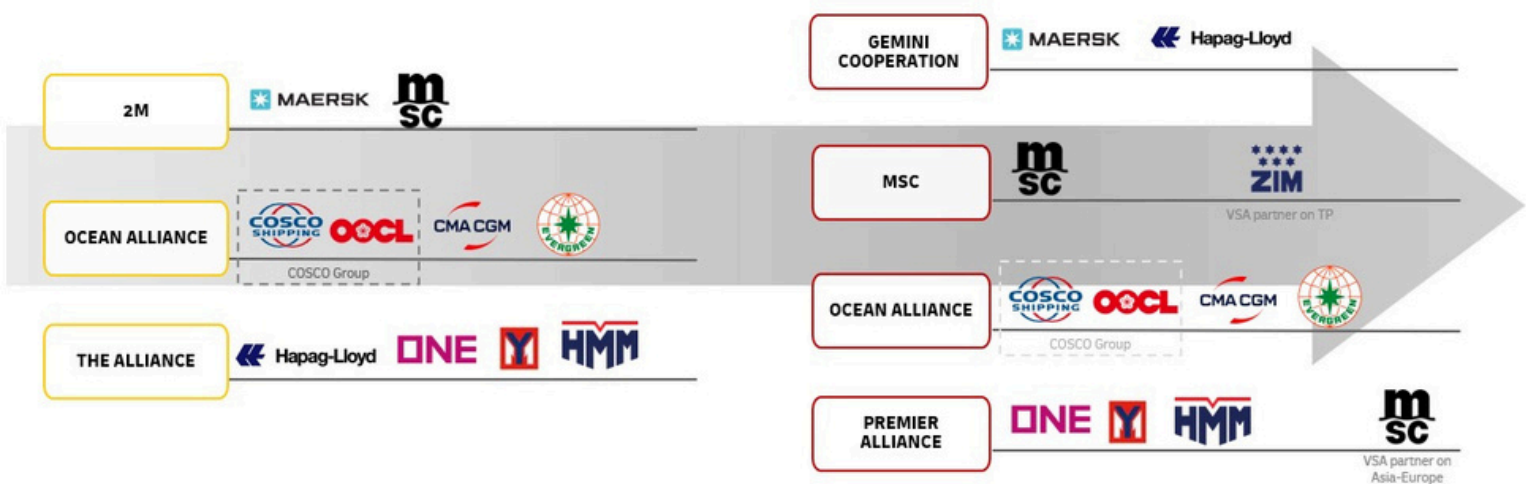
Nguồn: Accenture Cargo

- Gián đoạn dịch vụ được dự báo sẽ xảy ra khi các Liên minh hàng hải chuyển sang mô hình hoạt động mới - cũng là một yếu tố cần xem xét kỹ.

Hình 69: Tái cấu trúc liên minh hàng hải thế giới

Liên minh trước tháng 2/2025

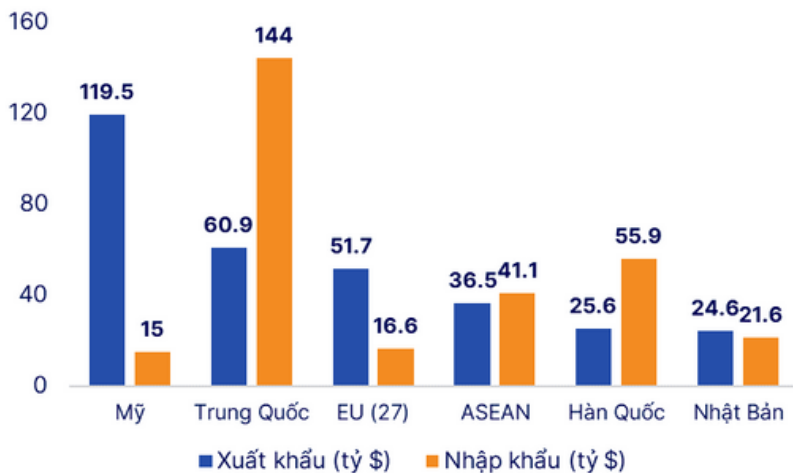
Liên minh hiện tại



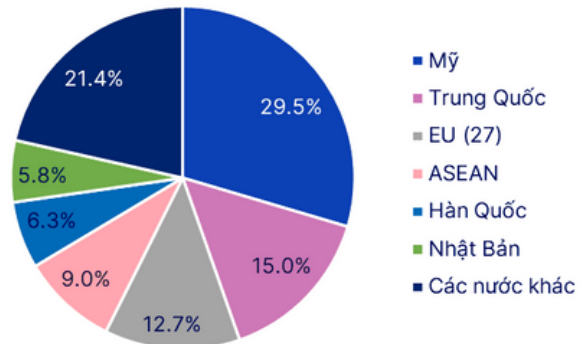
Nguồn: Accenture Cargo

NGÀNH CẢNG BIỂN (tiếp)

Hình 70: Các đối tác thương mại chính của Việt Nam – 2024 (Đơn vị: tỷ USD)

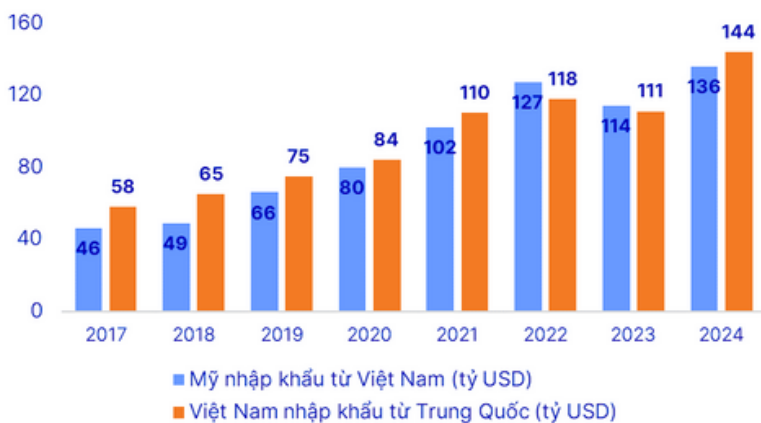


Hình 71: Tỷ trọng thị trường xuất khẩu của Việt Nam (theo % tổng số)



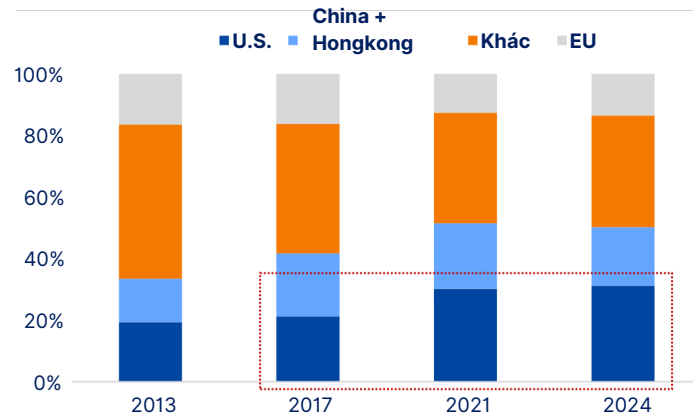
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hình 72: Thương mại giữa Trung Quốc - Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 2017 - 2024



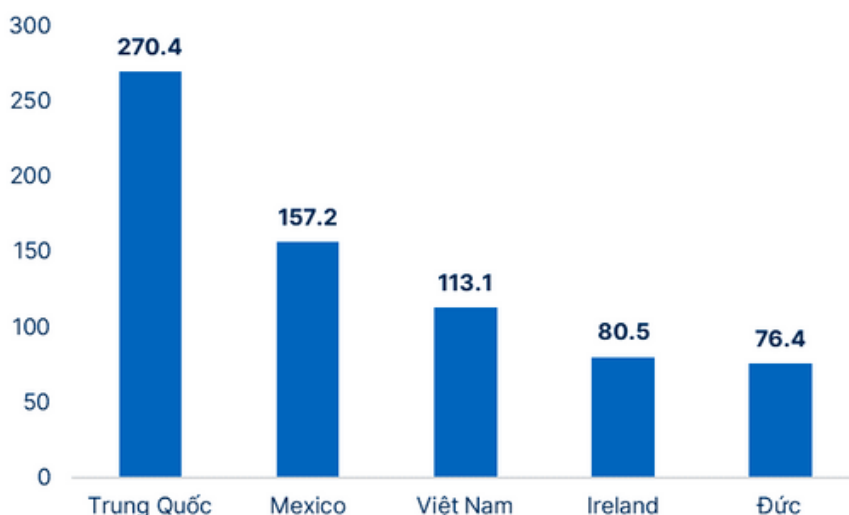
Nguồn: Tổng cục Hải quan, US Census Bureau

Hình 73: Thị phần của thị trường Mỹ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam



Nguồn: GSO

Hình 74: Thặng dư thương mại với Mỹ (tỷ USD)



Nguồn: United States Census Bureau

NGÀNH CẢNG BIỂN (tiếp)

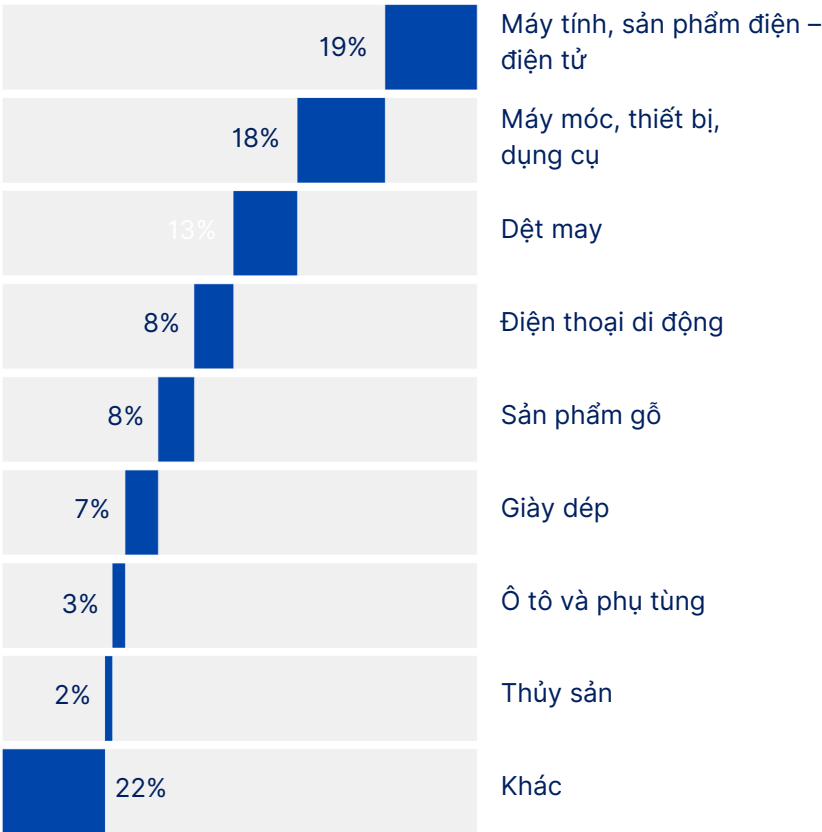
Hình 75: Các mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường Mỹ

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Mỹ năm 2024



% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ

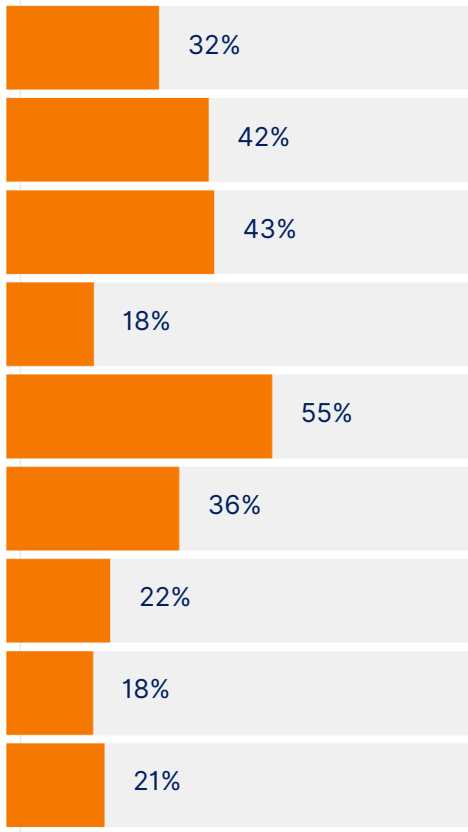
Danh mục sản phẩm



Tỷ trọng trong tổng kim ngạch XK của VN



Đóng góp của thị trường Mỹ trong xuất khẩu từng nhóm ngành hàng



Nguồn: GSO, Tổng cục Hải quan, VIS Rating

NGÀNH CẢNG BIỂN (tiếp)

2. Tác động tới sản lượng hàng hóa thông qua các cảng tại Việt Nam

- Thuế đối ứng làm tăng chi phí xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang Mỹ như: *điện tử, dệt may, da giày, đồ gỗ, và thủy sản*. Mức thuế tăng cao khiến hàng hóa Việt Nam kém cạnh tranh hơn tại thị trường Mỹ, làm giảm nhu cầu nhập khẩu từ phía đối tác Mỹ, đơn hàng xuất khẩu giảm, sản lượng hàng hóa thông qua các cảng biển sụt giảm.
 - Các công ty đa quốc gia có thể bắt đầu phân bổ lại chuỗi cung ứng nếu chênh lệch thuế quan giữa Việt Nam và các trung tâm sản xuất khác vẫn tiếp diễn.
- ☑ Hệ thống cảng biển Việt Nam có 2 khu vực cảng biển nước sâu đón tàu trực tiếp từ Việt Nam đi Châu Mỹ: Cụm cảng Lạch Huyện (Hải Phòng) và Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Cụm cảng	Tổng sản lượng xuất năm 2024 (triệu TEUs)	Tổng sản lượng xuất đi Mỹ 2024 (triệu TEUs)	Tỷ lệ hàng đi Mỹ năm 2024	3 tháng đầu năm 2025 (triệu TEUs) - Hàng xuất đi Mỹ
Cái Mép - Thị Vải	10,8	4	37%	1
Lạch Huyện	1,6	0,9	56,25%	0,22

Nguồn: SHS Research

- ☑ Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Mỹ đạt khoảng 119,5 tỷ USD (+23,3% yoy), chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Mức thuế 46% dự kiến ảnh hưởng đến khoảng 37,5 tỷ USD giá trị hàng hóa xuất khẩu, tương đương gần 2% GDP.
- ☑ Mỗi tuần, Việt Nam có 31 chuyến/tuần đi thẳng Mỹ, tập trung tại Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải. Giảm lưu lượng hàng hóa có thể dẫn đến cắt giảm số chuyến, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác.

Cụm cảng	Lạch Huyện	Cái Mép - Thị Vải
Số chuyến	7 tuyến/tuần (5 tuyến đi bờ tây và 2 tuyến đi bờ đông)	24 tuyến vận tải đi thẳng thị trường Hoa Kỳ, gồm: - Tân Cảng Cái Mép (TCIT): 8 tuyến. - Cái Mép Gemalink: 7 tuyến. - Tân Cảng Cái Mép Thị Vải (TCTT): 4 tuyến. - Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT): 3 tuyến. - Cảng Sài Gòn-SSA (SSIT): 2 tuyến.
Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu	Điện tử, may mặc, giày da	Gỗ, nội thất; Dệt may, giày da; Thủy sản; Máy móc, thiết bị phụ tùng; Cao su

Nguồn: SHS Research

- ☑ Tác động dây chuyền đến logistics và chuỗi cung ứng. Giảm xuất khẩu sang Mỹ sẽ ảnh hưởng đến các ngành liên quan như logistics, kho bãi, và vận tải nội địa. Các doanh nghiệp cảng biển phải điều chỉnh chiến lược để thích nghi (tăng cường phục vụ các thị trường khác hoặc tối ưu hóa chi phí...).

NGÀNH CẢNG BIỂN (tiếp)

• Đánh giá tác động

- ✓ **Các cảng nước sâu có tuyến trực tiếp đến Mỹ chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ nhất.**
Các doanh nghiệp sở hữu cảng nước sâu như PHP (Lạch Huyện bến 3&4), SGP (CMIT & SSIT), GMD (Gemalink), đặc biệt là Cái Mép - Thị Vải và Lạch Huyện, sẽ chịu tác động mạnh nhất từ chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ. Nguyên nhân là do các cảng này phục vụ các tuyến vận tải biển trực tiếp kết nối Châu Á với Châu Mỹ và Châu Âu. Thuế quan làm giảm sức mua của người tiêu dùng, dẫn đến sản lượng hàng hóa thông qua các cảng này giảm đáng kể.
- ✓ **Các cảng sông đóng vai trò trung chuyển cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp.**
Các nhóm cảng sông tại TP. HCM, vốn là điểm kết nối hàng hóa từ các khu công nghiệp phía Nam đến Cái Mép - Thị Vải, sẽ chứng kiến sự sụt giảm lượng container thông qua do sản lượng hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ giảm. Tương tự, các cảng sông tại Hải Phòng cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực, dù ở mức độ thấp hơn do chủ yếu phục vụ hàng hóa nội Á. Tuy nhiên, việc Mỹ áp thuế lên nhiều quốc gia châu Á có thể làm giảm nhu cầu sản xuất, kéo theo sự sụt giảm sản lượng hàng hóa thông qua các cảng sông này.
- ✓ **Đối với kịch bản thuế đối ứng 10%:** Dự báo sản lượng vận chuyển qua cảng biển Việt Nam sẽ tăng khoảng 12% YoY:
 - Thuế 10% không gây bất lợi đáng kể so với các đối thủ cạnh tranh xuất khẩu vào Mỹ, do đó, nguy cơ mất đơn hàng thấp.
 - Nhu cầu tiêu dùng Mỹ ít bị ảnh hưởng, vì mức thuế này không đẩy giá hàng Việt lên quá cao.
 - Việt Nam có thể được hưởng lợi từ dịch chuyển đơn hàng khỏi Trung Quốc (thuế 145%), giúp củng cố vị thế là điểm trung chuyển thay thế trong chuỗi cung ứng.
- ✓ **Đối với kịch bản thuế đối ứng 46%:** Dự báo sản lượng hàng hóa qua cảng biển Việt Nam có thể giảm 10 - 15%, do đơn hàng xuất khẩu sang Mỹ sụt giảm mạnh.
 - Mức thuế cao làm mất lợi thế cạnh tranh so với các quốc gia như Ấn Độ, Brazil, Bangladesh, vốn có thuế thấp hơn khi vào Mỹ.
 - Nguy cơ dịch chuyển đơn hàng và dòng vốn FDI khỏi Việt Nam tăng cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – logistics – cảng biển.
 - Áp lực lên giá cả hàng hóa nhập khẩu tại Mỹ tăng mạnh, kéo theo khả năng cắt giảm tiêu dùng, ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu Việt Nam.
 - Các cảng lớn như Cái Mép - Thị Vải, Lạch Huyện chịu tác động tiêu cực, do phụ thuộc vào tuyến vận tải Châu Á – Mỹ; tần suất tàu và sản lượng hàng hóa có thể sụt giảm mạnh.

3. Tác động đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải biển

- **Doanh thu cảng sụt giảm:** Sản lượng hàng hóa và tần suất tàu giảm kéo theo giảm mạnh thu từ bốc dỡ, lưu kho, neo đậu... Đặc biệt ảnh hưởng đến các cảng lớn như Lạch Huyện (PHP), CMIT & SSIT (SGP), Gemalink (GMD).
- **Thuế quan & đơn hàng xuất khẩu giảm:** Thuế Mỹ gây cản trở thương mại, làm giảm luồng container toàn cầu – nhất là sang Mỹ. Các cảng có tỷ trọng lớn hàng đi Mỹ như GMD, VSC đối mặt rủi ro doanh thu có thể sụt giảm từ Quý II/2025.
- **Rủi ro kép:** Doanh nghiệp vừa vận hành cảng vừa sở hữu tàu container như HAH chịu áp lực kép từ cả sụt giảm sản lượng và chi phí vận tải gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận.

NGÀNH CẢNG BIỂN (tiếp)

4. Gia tăng tình trạng tồn kho, tắc nghẽn cục bộ trong ngắn hạn

- **Biến động lưu lượng hàng hóa gây áp lực lên hoạt động cảng:** Hiện tại, đang trong thời gian 90 ngày đàm phán giữa các quốc gia. Trước khi thuế có hiệu lực, có thể xảy ra tình trạng "đồn hàng" xuất khẩu, tạo ra sự tăng trưởng ngắn hạn. Sau đó, lượng hàng giảm mạnh, gây khó khăn trong việc điều phối nguồn lực và tăng chi phí vận hành cho cảng.
- **Nguy cơ tồn đọng container và tắc nghẽn do chính sách thuế quan:** Việc các đối tác Mỹ giảm nhập khẩu có thể dẫn đến nguy cơ tồn đọng container tại các cảng. Tâm lý chờ đợi và quan sát của các doanh nghiệp nhập khẩu và xuất khẩu trước những diễn biến thuế quan cũng có thể làm tăng lượng hàng tồn kho, gây tắc nghẽn và thiếu hụt năng lực vận chuyển.
- **Gián đoạn chuỗi cung ứng và nguy cơ giá cước vận chuyển tăng cao:** Đề xuất áp thuế của Mỹ lên tàu liên quan đến Trung Quốc có thể gây gián đoạn nghiêm trọng chuỗi cung ứng toàn cầu và đẩy giá cước vận chuyển lên cao, tương tự giai đoạn COVID-19. Dù có lợi ngắn hạn cho hãng tàu, về dài hạn có thể làm giảm nhu cầu tiêu dùng và khối lượng vận chuyển, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn ngành logistics.

5. Áp lực cạnh tranh và nguy cơ mất dòng vốn FDI khi Việt Nam không còn lợi thế về thuế quan

- **Khi Việt Nam không còn hưởng ưu đãi thuế, làn sóng hàng hóa "né thuế" từ Trung Quốc và các đơn hàng xuất khẩu có thể chuyển hướng sang các nước khác,** như Ấn Độ (thuế 26%), Brazil (10%) hoặc Bangladesh – những nơi đang có lợi thế cạnh tranh hơn. Điều này đe dọa giảm sản lượng hàng hóa qua cảng biển Việt Nam trong dài hạn.
- **FDI là động lực sống còn cho tăng trưởng xuất khẩu và sản lượng cảng.** Tuy nhiên, nếu bị đánh thuế đối ứng từ Mỹ, Việt Nam sẽ mất dần sức hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu. Sự thiếu chắc chắn về môi trường thương mại càng thúc đẩy các tập đoàn đa quốc gia đa dạng hóa điểm đến đầu tư, khiến Việt Nam có nguy cơ rớt khỏi "bản đồ dòng vốn" toàn cầu.

Chỉ số	Số liệu năm 2024	Dự báo ảnh hưởng 2025
Kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ	119,5 tỷ USD	Giảm 10-15% do thuế đối ứng
Sản lượng container qua cụm cảng Cái Mép - Thị Vải	4 triệu TEUs (đi Mỹ)	Giảm 20-30% trong ngắn hạn
Sản lượng container qua cụm cảng Lạch Huyện	1,6 triệu TEUs (0,9 triệu đi Mỹ)	Giảm 15-25% trong ngắn hạn
Tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ	29% tổng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam	Có thể giảm xuống 25% hoặc thấp hơn nếu thuế là 46%

Nguồn: Cục Hàng hải Việt Nam, SHS Research

NGÀNH CẢNG BIỂN (tiếp)

6. Nguy cơ giảm vai trò của cảng Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu

- **Tâm lý chờ đợi và xu hướng chuyển hướng tuyến hàng khiến nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu ưu tiên trung chuyển qua các cảng lớn** như Singapore, Hong Kong... thay vì cập trực tiếp cảng Việt Nam. Dự báo, có thể khiến các cảng nước sâu như Cái Mép và Lạch Huyện giảm 10–15% lượt tàu cập bến nếu các hãng tàu gộp tuyến hoặc tái cấu trúc mạng lưới khai thác.
- **Đứt gãy chuỗi cung ứng và xáo trộn lịch trình vận tải:** Mức thuế quan cao (46%) từ Mỹ làm giảm mạnh đơn hàng xuất khẩu, buộc các nhà sản xuất trong nước phải điều chỉnh kế hoạch, gây gián đoạn dòng hàng. Hệ quả là lịch trình vận chuyển đến cảng bị lệch pha, các hãng tàu như: Maersk, MSC, CMA CGM... có thể cắt giảm hoặc hợp nhất tuyến để giảm chi phí, dẫn đến container tồn đọng và làm chậm vòng quay tàu.

7. Tác động đến kế hoạch phát triển cảng biển Việt Nam trong dài hạn

- Quyết định 422/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể đã điều chỉnh một số nội dung sau: Hệ thống cảng biển đáp ứng thông qua lượng hàng hóa từ 1.249 đến 1.494 triệu tấn (trong đó hàng container từ 46,3 đến 54,3 triệu TEU, chưa bao gồm hàng trung chuyển quốc tế);
- Việc sụt giảm lưu lượng hàng hóa do thuế quan có thể ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của các dự án đầu tư hạ tầng cảng biển Việt Nam trong dài hạn.

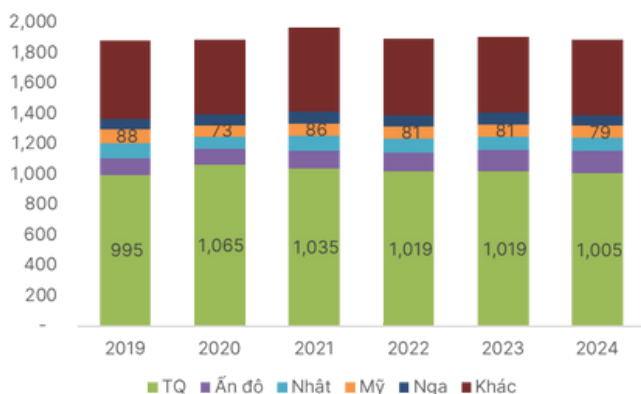
Đánh giá chung

- Dù chính sách thuế đối ứng của Mỹ có thể tạo ra biến động ngắn hạn, nhưng triển vọng dài hạn tại hai cụm cảng chiến lược của Việt Nam - Hải Phòng và Cái Mép - Thị Vải vẫn khá tích cực.
- Tác động thực tế sẽ phụ thuộc vào mức thuế được đàm phán, lộ trình áp dụng, và năng lực cạnh tranh của các đối thủ xuất khẩu khác. Nhìn chung, ngành cảng biển Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa tăng trưởng trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, các thay đổi về chính sách thương mại từ các đối tác lớn có thể tạo ra những “cơn gió ngược” tạm thời, đòi hỏi doanh nghiệp trong ngành phải có sự chuẩn bị và thích ứng linh hoạt.

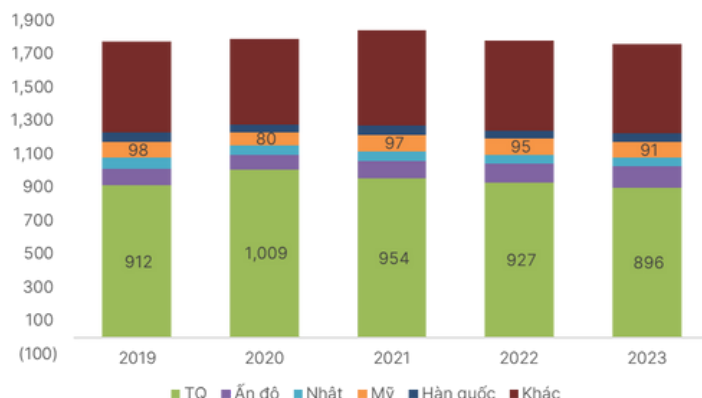
PHẦN IV: NGÀNH THÉP

- Mỹ là một trong những quốc gia sản xuất và tiêu thụ thép hàng đầu thế giới

Sản lượng thép thô toàn cầu (triệu tấn)



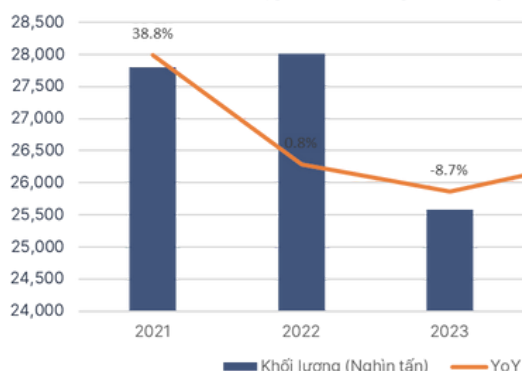
Tiêu thụ thép thành phẩm toàn cầu (triệu tấn)



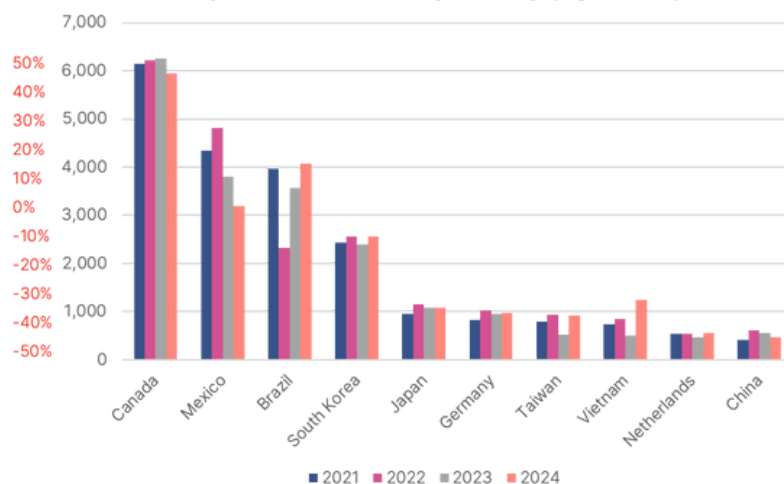
Nguồn: WorldSteel, SHS Research

- Mỹ chủ yếu nhập khẩu thép từ Canada và Mexico, Việt Nam nằm trong Top 10 quốc gia xuất khẩu thép sang Mỹ tuy nhiên trung bình 5 năm gần đây chỉ chiếm 2,8% tổng lượng thép nhập khẩu của Mỹ.

Nhập khẩu thép của Mỹ



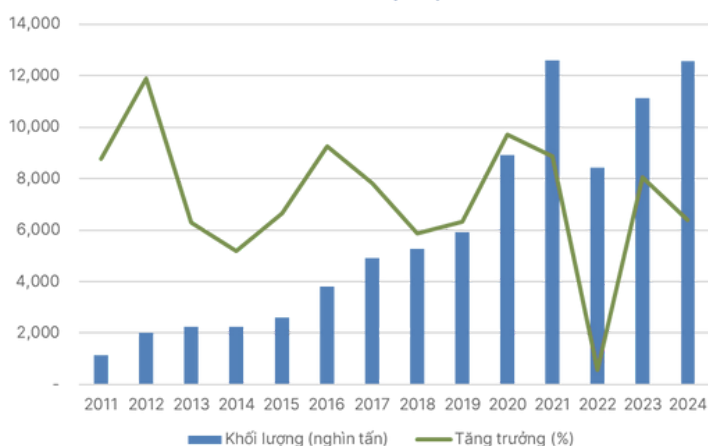
Top các nước XK thép vào Mỹ (nghìn tấn)



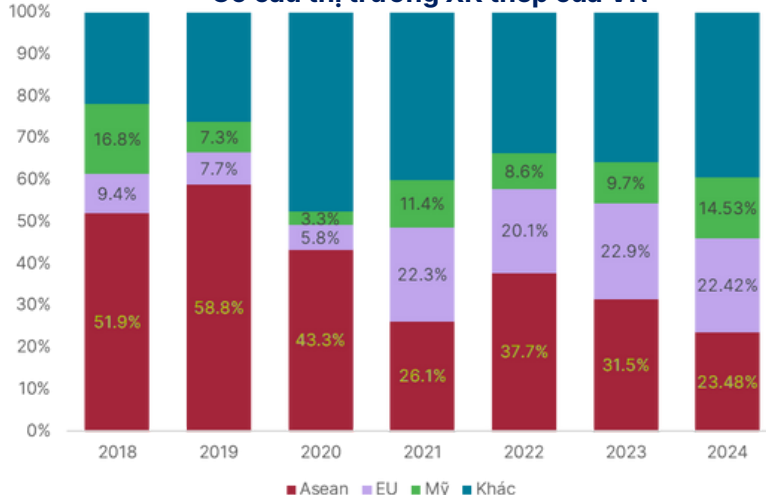
Nguồn: USITA, SHS Research

- Đối với Việt Nam, Mỹ chiếm tỷ trọng đối thấp trong số các thị trường xuất khẩu thép, trung bình giai đoạn 2020-2023 là 8,2%, năm 2024 tăng lên 14,5%.

Xuất khẩu thép Việt Nam



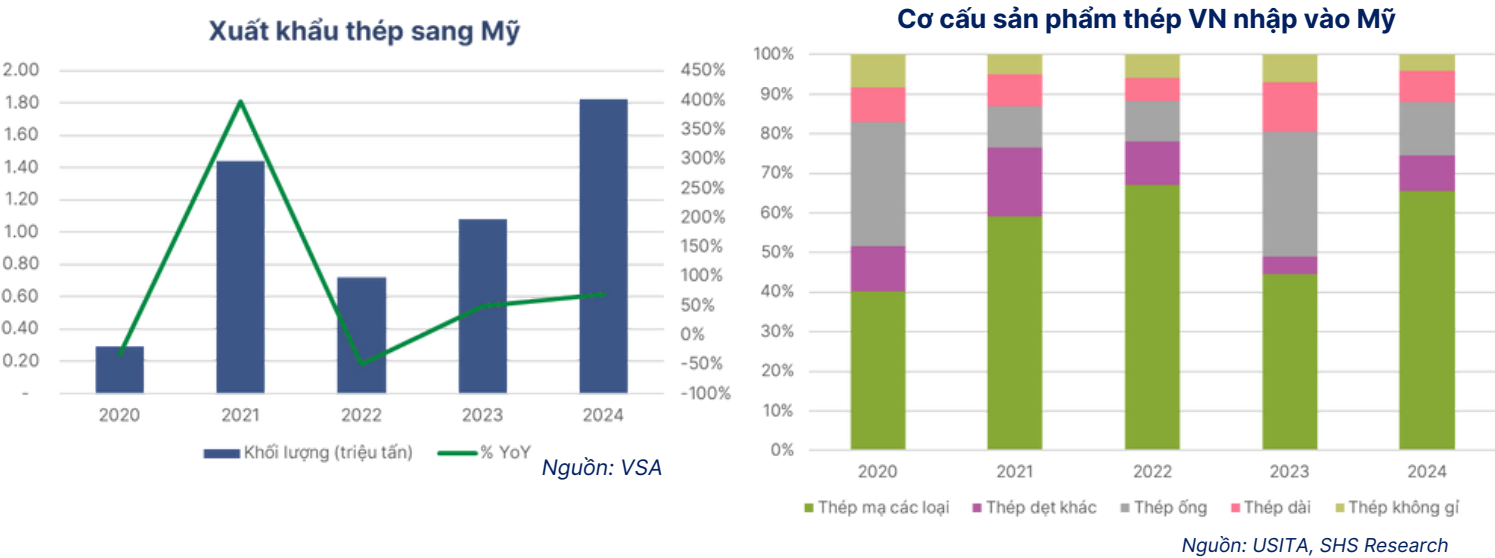
Cơ cấu thị trường XK thép của VN



Nguồn: VSA, SHS Research

NGÀNH THÉP

- Về mặt cơ cấu, thép mạ đang là mặt hàng chủ đạo xuất khẩu sang Mỹ



- Về tác động, thuế đối ứng không áp dụng với thép do trước đó Mỹ đã áp thuế 25% lên tất cả các sản phẩm thép nhập khẩu. Việc áp thuế này được đánh giá là sẽ trả lại sân chơi công bằng hơn, cơ hội cạnh tranh bình đẳng hơn so với trước đây do thép Việt Nam đã bị áp thuế 25% từ năm 2018 trong khi các quốc gia cạnh tranh như Canada và Mexico được hưởng miễn trừ kể từ 5/2019. Mặc dù vậy tác động gián tiếp của thuế đối ứng là vẫn có do thép là mặt hàng có sự tương quan khá chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế. Hầu hết các dự báo đều cho rằng thuế đối ứng sẽ làm suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu qua đó có thể làm giảm nhu cầu về thép nhập khẩu đồng thời có thể tác động tới việc triển khai xây dựng, mở rộng nhà xưởng của các dự án FDI tại Việt Nam qua đó gián tiếp tác động tới ngành thép. Ngoài ra, cũng cần lưu ý là các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất tôn mạ sẽ phải chịu thêm thuế chống bán phá giá (AD) khi xuất khẩu sang Mỹ nếu các mức thuế sơ bộ được giữ nguyên trong phán quyết cuối cùng.

Doanh nghiệp	Tỷ trọng doanh thu XK sang Mỹ	Thuế AD sơ bộ
Hoa Sen	9%	59%
Tôn Đông Á	16%	39,84%
Hòa Phát	1%	49,42%
Nam Kim	13%	49,42%
Pomina		49,42%
Thép tấm miền Nam		49,42%
CTCP Thương mại thép TVP		49,42%
CTCP Tôn thép Việt Pháp		49,42%
Công ty Thép Tây Nam		49,42%
Toàn quốc		88,12%

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Những quan điểm được trình bày trong báo cáo đã phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chuyên viên phân tích, chúng tôi xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan tới các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyen Minh Hanh
Head of Research
Hanh.nm@shs.com.vn

Ngo The Hien
Research Director
Hien.nth@shs.com.vn

Doan Thi Anh Nguyen
Research Manager
Nguyet.dta@shs.com.vn

Tran Hong May
Analyst
May.th@shs.com.vn

Le Thu Huyen
Analyst
Huyen.lt@shs.com.vn

Nguyen Thanh Hoa
Research Director
Hoa.nt@shs.com.vn

Pham Hong Son
Associate Director
Son.ph@shs.com.vn

Le Anh Thang
Research Manager
Thang.la@shs.com.vn

Le Nguyen Tu Anh
Analyst
Anh.lnt@shs.com.vn

Phan Tan Nhat
Research Director
Nhat.pt@shs.com.vn

Vu Tuan Duy
Analyst
Duy.vt@shs.com.vn

Vu Nhat Anh
Analyst
Anh.vn@shs.com.vn

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn
Metropolitan, Số 235 Đồng Khởi,
P. Bến Nghé, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03
Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung,
Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
Email: contact-dn@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: shs.com.vn
-  Tel: 84.24.38181888
-  Email: contact@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SHTrading

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: trading.shs.com.vn